

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc Mai  
Giảng viên hướng dẫn: ThS.Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH  
SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VIỆT KHÁNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Ngọc Mai  
Giảng viên hướng dẫn: ThS.Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**LỜI MỞ ĐẦU**

Những năm gần đây thì hầu hết các nước trên thế giới đều nhận thấy đường lối phát triển kinh tế là yếu tố quyết định sự thành bại trong quá trình phát triển kinh tế của một đất nước. Trong đường lối đó quản lý kinh tế tài chính luôn là tổng hoà các mối quan hệ kinh tế, tổng hợp các nội dung và giải pháp tài chính tiền tệ nhằm tạo ra sự phát triển ổn định đi lên của nền kinh tế mỗi quốc gia.

Hiện nay, sự cạnh tranh của nền kinh tế của thị trường diễn ra khá gay gắt. Sự cạnh tranh không đơn thuần là sự cạnh tranh về chất lượng sản phẩm mà còn về giá thành sản phẩm phù hợp với nền kinh tế, nhưng sự cạnh tranh về chất lượng sản phẩm luôn được coi là mục tiêu hàng đầu đối với mỗi doanh nghiệp, hạ giá thành nhưng vẫn đảm bảo về chất lượng sản phẩm góp phần tạo nên vị trí cạnh tranh, tạo uy tín trên thương trường cũng như tạo được mục tiêu lợi nhuận trong doanh nghiệp. Để đạt được điều đó thì DN cần phải tổ chức tốt công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Việc tổ chức tốt công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm là tiền đề giúp cho doanh nghiệp xác định một cách chính xác chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm cũng như việc kiểm soát chi phí sản xuất phát sinh trong từng bộ phận của DN. Thông qua các số liệu mà phòng kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm cung cấp, ban lãnh đạo có thể biết được chi phí phát sinh, giá thành của từng sản phẩm cũng như xác định được kết quả sản xuất kinh doanh của DN. Từ đó có thể phân tích đánh giá tình hình thực hiện định mức dự toán về chi phí sử dụng lao động, sử dụng vật tư lao động,... để từ đó đề ra được biện pháp giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm kịp thời với sự phát triển kinh doanh và yêu cầu quản trị của Doanh nghiệp.

Với những ý nghĩa trên, trong Doanh nghiệp sản xuất thì việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn được coi là công tác trọng tâm của Doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, sau thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại Việt Khánh, em đã mạnh dạn đi sâu tìm hiểu nghiên

cứu đề tài: “ *Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh*” làm đề tài bảo vệ khóa luận của mình.

**Nội dung bài khóa luận của em gồm ba phần chính:**

***Chương 1: Lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh.***

***Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh.***

***Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh.***

Em xin chân thành cảm ơn Th.S Trần Thị Thanh Thảo đã tận tình hướng dẫn giúp em hoàn thành bài khóa luận này. Xin cảm ơn các anh, chị trong phòng kế toán của công ty đã nhiệt tình chỉ bảo, cung cấp số liệu thực tế để em có thể hoàn thiện bài khóa luận và thêm có nhiều kinh nghiệm thực tế.

Do thời gian có hạn và trình độ của bản thân còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

## **CHƯƠNG I**

### **LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VIỆT KHÁNH**

#### **1.1 Đặc điểm sản xuất xây lắp và ảnh hưởng của nó đến công tác hạch toán kế toán của đơn vị xây lắp.**

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất có vị trí hết sức quan trọng trong nền kinh tế thị trường. Xây dựng cơ bản là quá trình xây dựng mới, xây dựng lại, cải tạo, hiện đại hóa, khôi phục công trình nhà máy, xí nghiệp, đường xá, nhà cửa ... nhằm phục vụ cho đời sống và sản xuất của xã hội.

Chi phí cho đầu tư xây dựng cơ bản chiếm tỷ trọng lớn trong tổng Ngân sách Nhà nước cũng như vốn đầu tư của doanh nghiệp. Chi phí xây dựng cơ bản bao gồm: xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị và chi phí kiến thiết cơ bản khác. Trong đó phần xây dựng, lắp đặt do các doanh nghiệp chuyên về thi công xây lắp đảm nhận thông qua hợp đồng giao nhận thầu xây lắp. Sản phẩm của các công trình xây lắp là các công trình đã xây dựng, lắp đặt hoàn thành có thể đưa vào sử dụng phục vụ cho sản xuất, đời sống.

So với ngành sản xuất khác, ngành xây dựng cơ bản có những nét đặc thù riêng biệt thể hiện ở sản phẩm và quá trình sản xuất. Điều này có ảnh hưởng đến công tác hạch toán kế toán của ngành.

##### ***1.1.1. Đặc điểm sản phẩm xây lắp***

Sản phẩm xây lắp là những công trình, vật kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất xây lắp lâu dài. Do vậy việc tổ chức quản lý và hạch toán nhất thiết phải có các dự toán thiết kế, thi công.

Sản phẩm xây lắp hoàn thành không thể nhập kho mà được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư từ trước, do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm không được thể hiện rõ.

Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất và phân bổ trên nhiều vùng

lãnh thổ còn các điều kiện sản xuất (xe, máy, phương tiện, thiết bị thi công, người lao động ...) phải di chuyển theo địa điểm của công trình xây lắp. Đặc điểm này làm cho công tác sản xuất thiếu tính ổn định, đòi hỏi có tính lưu động cao, đồng thời gây nhiều khó khăn phức tạp cho công tác quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Thời gian sử dụng sản phẩm xây lắp lâu dài đòi hỏi chất lượng công trình phải đảm bảo. Đặc điểm này đòi hỏi công tác kế toán phải được tổ chức tốt để đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt như dự toán, thiết kế ban đầu, tạo điều kiện cho việc bàn giao công trình, ghi nhận doanh thu và thu hồi vốn.

### **1.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất xây lắp**

Hoạt động xây lắp được diễn ra dưới điều kiện sản xuất thiếu tính ổn định, luôn biến đổi theo địa điểm và giai đoạn thi công. Do vậy, doanh nghiệp thường phải thay đổi, lựa chọn phương án tổ chức thi công thích hợp cả về mặt thi công đến tiến độ.

Chu kỳ sản xuất kéo dài, dễ gặp phải rủi ro ngẫu nhiên theo thời gian như hao mòn vô hình, thiên tai ... Do vậy, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này cần tổ chức sản xuất hợp lý, đẩy nhanh tiến độ thi công là điều kiện quan trọng để tránh những tổn thất, rủi ro và ứ đọng vốn trong đầu tư kinh doanh.

Quá trình sản xuất diễn ra trong một phạm vi hẹp với số lượng công nhân lớn và vật liệu nhiều. Đòi hỏi tổ chức công tác xây lắp phải có sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các bộ phận và giai đoạn công việc.

Sản xuất xây dựng cơ bản thường diễn ra ngoài trời, chịu tác động trực tiếp bởi điều kiện môi trường, thiên nhiên. Trong điều kiện thời tiết không thuận lợi ảnh hưởng đến chất lượng thi công, có thể sẽ phát sinh các thiệt hại do ngừng sản xuất hay do phải phá đi, làm lại. Vì vậy doanh nghiệp cần có kế hoạch điều độ, phù hợp sao cho có thể tiết kiệm chi phí, hạ giá thành.

Tổ chức sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp ở nước ta phổ biến là theo phương thức khoán gọn các công trình, hạng mục công trình, khối lượng hoặc các công việc cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp. Trong giá khoán gọn không chỉ có tiền lương mà còn có đủ các chi phí về vật liệu, công cụ dụng cụ

thi công, chi phí chung của bộ phận nhận khoán. Việc giao khoán trên sẽ giúp cho việc nâng cao trách nhiệm trong quản lý xây dựng của các đội xây dựng, xí nghiệp tiết kiệm chi phí và đẩy nhanh tiến độ thi công.

### **1.1.3 Yêu cầu quản lý trong các doanh nghiệp xây lắp**

Do đặc thù của ngành xây lắp và của sản phẩm xây lắp làm cho việc quản lý đầu tư xây dựng cơ bản là một quá trình khó khăn phức tạp hơn những ngành sản xuất vật chất khác. Hầu như các công trình xây dựng đều đưa ra đấu thầu để lựa chọn những nhà thầu có khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật và chi phí thấp nhất nên Z quyết toán đã được xác định trước đây chính là “doanh thu” của đơn vị xây lắp.

$$\text{Xuất phát từ công thức: } \mathbf{LN = DT - CF}$$

Trong điều kiện doanh thu đã được xác định trước thì lợi nhuận của doanh nghiệp chỉ còn phụ thuộc yếu tố chi phí. Vì vậy “quản lý chi phí” là yêu cầu hàng đầu trong các DN xây lắp cũng như bất kỳ một DN nào khác.

Thực tế ở nước ta trong những năm qua ở lĩnh vực xây lắp cơ bản xảy ra tình trạng lãng phí thất thoát 1 khối lượng lớn vốn đầu tư. Việc thất thoát vốn đầu tư do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó việc quản lý vốn đầu tư không được khoa học, chặt chẽ là nguyên nhân quan trọng nhất.

Để khắc phục tình trạng này Nhà nước đã thực hiện quản lý giá xây dựng thông qua ban hành các chế độ chính sách về giá, các nguyên tắc, phương pháp lập dự toán, các căn cứ như định mức kinh tế kỹ thuật đánh giá xây dựng, tỷ xuất vốn đầu tư ... => Để xác định tổng mức vốn đầu tư, Z dự toán cho từng công trình, hạng mục công trình.

Để đảm bảo thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế kỹ thuật, đảm bảo chất lượng CT ... với chi phí hợp lý thì các DN xây lắp phải có biện pháp quản lý chi phí sản xuất và  $Z_{sp}$  xây lắp chặt chẽ.

Mặt khác tiết kiệm chi phí, hạ Z luôn là 1 trong các mục tiêu phân đầu của bất kỳ một DN nào. Để thực hiện mục tiêu đó DN đã phải sử dụng nhiều biện pháp khác nhau, trong đó biện pháp quản lý bằng công cụ kế toán mà cụ thể là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính  $Z_{sp}$  giữ vai trò then chốt.

***1.1.4 Nhiệm vụ của tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp***

Do đặc thù của ngành xây dựng cơ bản và của sản phẩm xây dựng nên việc quản lý về đầu tư xây dựng rất khó khăn phức tạp, trong đó tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm là một trong những mối quan tâm hàng đầu, là nhiệm vụ hết sức quan trọng của doanh nghiệp. Hiện nay, trong lĩnh vực xây dựng cơ bản chủ yếu áp dụng cơ chế đấu thầu, giao nhận thầu xây dựng. Vì vậy, để trúng thầu, được nhận thầu thi công thì doanh nghiệp phải xây dựng được giá thầu hợp lý, dựa trên cơ sở đã định mức đơn giá xây dựng cơ bản do Nhà nước ban hành, trên cơ sở giá thị trường và khả năng của bản thân doanh nghiệp. Mặt khác, phải đảm bảo kinh doanh có lãi. Để thực hiện các yêu cầu đòi hỏi trên thì cần phải tăng cường công tác quản lý kinh tế nói chung, quản lý chi phí giá thành nói riêng, trong đó trọng tâm là công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành đảm bảo phát huy tối đa tác dụng của công cụ kế toán đối với quản lý sản xuất.

Trước yêu cầu đó, nhiệm vụ chủ yếu đặt ra cho kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp là:

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh.
- Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức chi phí vật tư, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công và các chi phí dự toán khác, phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch so với định mức, các chi phí khác ngoài kế hoạch, các khoản thiệt hại, mất mát, hư hỏng... trong sản xuất để đề xuất những biện pháp ngăn chặn kịp thời.
- Tính toán hợp lý giá thành công tác xây lắp, các sản phẩm lao vụ hoàn thành của doanh nghiệp.
- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp theo từng công trình, hạng mục công trình từng loại sản phẩm lao vụ, vạch ra khả năng và các biện pháp hạ giá thành một cách hợp lý và có hiệu quả.
- Xác định đúng đắn và bàn giao thanh toán kịp thời khối lượng công tác xây dựng đã hoàn thành. Định kỳ kiểm kê và đánh giá khối lượng thi công dở dang theo nguyên tắc quy định.



- Đánh giá đúng đắn kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở từng công trình, hạng mục công trình, từng bộ phận thi công tổ đội sản xuất ...trong từng thời kỳ nhất định, kịp thời lập báo cáo về chi phí sản xuất, tính giá thành công trình xây lắp, cung cấp chính xác kịp thời các thông tin hữu dụng về chi phí sản xuất và giá thành phục vụ cho yêu cầu quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp.

## **1.2 Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất của sản phẩm xây lắp**

### **1.2.1 Khái niệm về chi phí sản xuất**

*Chi phí sản xuất* là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hóa cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh mà doanh nghiệp phải chi ra để tiến hành các hoạt động sản xuất trong một kỳ kinh doanh.

### **1.2.2 Phân loại chi phí sản xuất**

#### **1.2.2.1 Phân loại chi phí theo yếu tố chi phí**

Theo cách phân loại này, căn cứ vào tính chất, nội dung kinh tế của chi phí sản xuất để chia ra các yếu tố chi phí, mỗi yếu tố chi phí bao gồm những chi phí có cùng nội dung kinh tế, không xét đến công dụng cụ thể, nội dung phát sinh.

Đối với doanh nghiệp xây lắp, toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ được chia ra thành các yếu tố:

- *Yếu tố chi phí nguyên vật liệu:* bao gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ, dụng cụ, thiết bị xây dựng cơ bản ...sử dụng vào sản xuất kinh doanh (loại trừ giá trị vật liệu dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi).

- *Yếu tố chi phí nhiên liệu, động lực sử dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ* (trừ số dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi).

- *Yếu tố chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp lương:* phản ánh tổng số tiền lương và phụ cấp mang tính chất lương phải trả cho toàn bộ công nhân viên.

- *Yếu tố chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp:* phản ánh phần bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương và phụ cấp lương phải trả công nhân viên.

- *Yếu tố chi phí khấu hao tài sản cố định:* phản ánh tổng số khấu hao tào

sản cố định phải trích trong kỳ của tất cả tài sản cố định sử dụng cho sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- *Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài*: phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất kinh doanh.

- *Yếu tố chi phí khác bằng tiền*: phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

#### *1.2.2.2. Phân loại chi phí theo khoản mục chi phí*

Thông thường, chi phí sản xuất chia thành 3 khoản mục chính: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Nhưng do đặc thù của sản xuất xây lắp có chi phí máy thi công lớn và phức tạp nên chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp được chia ra thành 4 khoản mục sau:

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: là tất cả những chi phí nguyên vật liệu chi ra để cấu tạo nên thực thể công trình như vật liệu chính (xi măng, cát, đá, gạch ...), các cấu kiện bê tông và các phụ gia khác. Trong khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp không bao gồm các vật liệu phụ, nhiên liệu dùng cho máy thi công.

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: là toàn bộ tiền lương chính và các khoản phụ cấp lương phải trả cho công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng xây lắp, công nhân phục vụ xây lắp, kể cả công nhân bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng xây lắp và công nhân chuẩn bị, kết thúc thu gọn hiện trường thi công, không phân biệt công nhân chính của đơn vị xây lắp hay thuê ngoài. Khoản mục nhân công trực tiếp không bao gồm tiền lương phụ và các khoản trích theo lương.

- *Chi phí sử dụng máy thi công*: là toàn bộ chi phí trực tiếp liên quan tới việc sử dụng máy để xây dựng hay lắp đặt công trình, bao gồm: chi phí về vật liệu trong máy thi công, chi phí công nhân điều khiển máy (chỉ có tiền lao động chính, không bao gồm tiền lương phụ và các khoản trích theo lương), chi phí khấu hao máy thi công, chi phí mua ngoài sử dụng cho máy thi công và các chi phí bằng tiền khác.

- *Chi phí sản xuất chung*: là chi phí phục vụ cho việc quản lý tại từng đội xây lắp, từng công trình, bao gồm chi phí nhân viên quản lý đội (đội trưởng, đội

phó ...) và các khoản tiền lương phụ, trích theo lương của nhân viên quản lý, công nhân xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công, chi phí vật liệu dùng cho đội, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định (ngoài chi phí khấu hao của máy thi công), chi phí dịch vụ mua ngoài dùng chung cho đội và các khoản chi phí bằng tiền khác.

### *1.2.2.3 Phân loại theo phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí.*

Theo cách phân loại này, chi phí được chia thành hai loại:

- *Chi phí trực tiếp*: Là chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến từng đối tượng chịu chi phí, có thể quy nạp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp ...

- *Chi phí gián tiếp*: Là các chi phí có liên quan đến việc sản xuất nhiều loại sản phẩm, nhiều công việc hay nhiều đối tượng khác nhau. Những chi phí này phải tập hợp và phân bổ cho các đối tượng liên quan theo các tiêu thức phù hợp.

### *1.2.2.4 Phân loại chi phí trong mối quan hệ với khối lượng hoạt động.*

Để thuận tiện cho việc lập kế hoạch và kiểm tra chi phí, đồng thời làm căn cứ để ra quyết định kinh doanh, toàn bộ chi phí SXKD được phân loại theo quan hệ với khối lượng công việc hoàn thành. Theo cách phân loại này CPSX được phân thành:

◆ *Chi phí biến đổi* (biến phí): Là những chi phí có quan hệ tỷ lệ thuận với biến động về mức độ hoạt động (khối lượng sản xuất ra trong kỳ).

◆ *Chi phí cố định* (định phí): Là những khoản chi phí không đổi trong phạm vi phù hợp khi mức độ hoạt động thay đổi.

◆ *Chi phí hỗn hợp*: Là những khoản chi phí mà bản thân nó gồm cả yếu tố biến phí lẫn định phí.

Phân loại chi phí theo cách ứng xử có tác dụng lớn đối với công tác quản trị phục vụ cho việc ra quyết định quản lý cần thiết, giúp doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả trên thị trường.

Tóm lại: Mỗi cách phân loại chi phí có một ý nghĩa riêng phục vụ cho yêu

câu quản lý và từng đối tượng cung cấp thông tin cụ thể nhưng chúng luôn bổ sung cho nhau nhằm quản lý có hiệu quả nhất về toàn bộ CPSX phát sinh trong phạm vi toàn doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định.

### **1.3. Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm xây lắp**

#### **1.3.1. Khái niệm về giá thành sản phẩm**

Giá thành là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công việc sản phẩm lao động hoàn thành.

#### **1.3.2. Phân loại giá thành sản phẩm**

##### **1.3.2.1. Phân loại theo cơ sở số liệu và thời điểm tính giá thành**

Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm được chia làm 3 loại:

- *Giá thành kế hoạch*: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Việc tính giá thành kế hoạch do bộ phận kế hoạch của doanh nghiệp thực hiện và được tiến hành trước khi bắt đầu quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành kế hoạch của sản phẩm là mục tiêu phấn đấu của mỗi doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp.

- *Giá thành định mức*: là giá thành sản phẩm được tính toán trên cơ sở xác định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm. Việc tính giá thành định mức được tính trước khi chế tạo sản phẩm, giá thành định mức là công cụ quản lý định mức của doanh nghiệp, là thước đo để xác định chính xác kết quả sử dụng tài sản, vật tư, lao động trong sản xuất giúp cho doanh nghiệp đánh giá đúng đắn các giải pháp kinh tế, kỹ thuật mà đã thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- *Giá thành thực tế*: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế đã phát sinh, tập hợp được trong kỳ và sản lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất ra trong kỳ. Giá thành thực tế chỉ có thể tính toán được sau khi kết thúc quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành sản phẩm thực tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tổ

chức và sử dụng các giải pháp kinh tế, tổ chức, kỹ thuật để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm, là cơ sở để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp.

**1.3.2.2. Phân loại theo phạm vi chi phí phát sinh**

- *Giá thành sản xuất*: là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí liên quan đến sản xuất chế tạo sản phẩm trong quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm. Giá thành sản xuất tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{sản xuất} & = & \text{xuất sản phẩm} & + & \text{sản phẩm trong} & - & \text{sản phẩm} \\ \text{sản phẩm} & & \text{dở dang đầu kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

*Giá thành toàn bộ*: là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Giá thành toàn bộ tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành toàn} & & \text{Giá thành sản} & & \text{Chi phí quản lý} & & \text{Chi phí tiêu} \\ \text{bộ sản phẩm} & = & \text{xuất sản phẩm} & + & \text{doanh nghiệp} & + & \text{thụ sản phẩm} \end{array}$$

**1.4. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm**

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có một mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm, trong đó chi phí biểu hiện hao phí, còn giá thành biểu hiện mặt kết quả của sản xuất.

+ Giống nhau: giá thành và chi phí đều bao gồm các chi phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra trong quá trình sản xuất.

+ Khác nhau:

Chi phí sản xuất trong kỳ không chỉ liên quan đến những sản phẩm đã hoàn thành trong kỳ mà còn liên quan đến những sản phẩm dở dang cuối kỳ và sản phẩm hỏng. Giá thành sản phẩm không bao gồm chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ và sản phẩm hỏng nhưng lại chứa đựng chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang kỳ trước chuyển sang.

Chi phí sản xuất không liên quan đến khối lượng, chủng loại sản phẩm hoàn thành trong kỳ, còn giá thành lại phụ thuộc vào những yếu tố đó dẫn đến đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành là khác nhau.

=> Có thể nói chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai khái niệm riêng biệt và có những mặt khác nhau, đồng thời lại có mối quan hệ mật thiết với nhau, sự tiết kiệm hay lãng phí chi phí sản xuất sẽ tác động trực tiếp tới giá thành sản phẩm thấp hay cao. Quản lý giá thành bao giờ cũng gắn liền với quản lý chi phí sản xuất. Các biện pháp mà doanh nghiệp sử dụng nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất cũng chính là mục tiêu hạ giá thành sản phẩm.

Mối quan hệ của chúng ta có thể tổng quát công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản} \\ \text{sản phẩm xây} & = & \text{xuất dở dang} & + & \text{xuất phát sinh} & - & \text{xuất dở dang} \\ \text{lắp} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

### **1.5. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp.**

#### **1.5.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất**

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi giới hạn mà kế toán tiến hành tập hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ theo đó phạm vi và giới hạn này có thể có địa điểm phát sinh chi phí như phân xưởng, tổ đội sản xuất; có thể là nơi chịu chi phí như sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn đặt hàng...

Việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất chính là việc xác định một phạm vi giới hạn nhất định để tập hợp chi phí nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Phạm vi giới hạn tập hợp chi phí có thể là nơi phát sinh chi phí (phân xưởng, giai đoạn công nghệ) hoặc là nơi chịu chi phí (từng sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn đặt hàng ...). Muốn xác định được đối tượng tập hợp chi phí người ta thường phải dựa vào những căn cứ cơ bản sau:

- + Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm
- + Loại hình sản xuất của doanh nghiệp
- + Đặc điểm tổ chức sản xuất
- + Yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp
- + Yêu cầu tính giá thành của doanh nghiệp

Việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí một cách khoa học, hợp lý có ý nghĩa rất quan trọng cho việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất, từ việc tổ chức

hạch toán ban đầu đến việc mở tài khoản, mở sổ chi tiết đến việc tập hợp số liệu để ghi chép một cách khoa học, hợp lý nhất.

**1.5.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.**

Tùy theo điều kiện cụ thể, có thể vận dụng phương pháp tập hợp trực tiếp hoặc phương pháp phân bổ gián tiếp.

- *Phương pháp tập hợp trực tiếp*: Được sử dụng đối với các khoản chi phí trực tiếp – là những chi phí có liên quan trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí đã xác định. Công tác hạch toán, ghi chép ban đầu cho phép quy nạp trực tiếp các chi phí này vào từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí có liên quan.

- *Phương pháp phân bổ gián tiếp*: áp dụng khi một loại chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí nên không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng được. Vì vậy, theo phương pháp này trước hết tập hợp toàn bộ chi phí sau đó tiến hành phân bổ cho từng đối tượng cụ thể. Tiêu thức sử dụng để phân bổ đảm bảo được mối quan hệ tương quan giữa chi phí phân bổ và đối tượng chịu chi phí. Trên cơ sở tiêu thức phân bổ và chi phí cần phân bổ ta có công thức sau:

$$H = \frac{C}{t_i}$$

Trong đó:

H : Hệ số chi phí phân bổ

C : Tổng chi phí đã tổng hợp được trong kỳ cần phân bổ cho các đối tượng tính giá thành.

$t_i$  : Tổng đơn vị tiêu thức phân bổ thuộc đối tượng tính giá thành i

Số chi phí phân bổ cho từng đối tượng tính giá thành xác định theo công thức:

$$C_i = t_i \times H$$

Trong đó :

$C_i$  : Số chi phí sản phẩm thực tế phát sinh đã tính toán (phân bổ) cho đối tượng tính giá thành i

$t_i$  : Số đơn vị tiêu thức phân bổ thuộc đối tượng tính giá thành  $i$

### **1.5.3. Hạch toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp theo phương pháp kê khai thường xuyên**

#### **1.5.3.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Chi phí vật liệu trực tiếp xây lắp là những chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể công trình xây lắp hoặc giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp như: Sắt, thép, xi măng, gạch, đá, cát ...

Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cần tuân theo nguyên tắc sau:

- Các loại vật liệu sử dụng cho công trình, hạng mục công trình nào sẽ được tập hợp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó trên cơ sở các chứng từ gốc và số lượng thực tế đã sử dụng. Trường hợp vật liệu liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí, không thể tổ chức hạch toán riêng được thì phải áp dụng phương pháp phân bổ để phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan.

Cuối cùng hạch toán hoặc khi công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê số vật liệu lĩnh về chưa sử dụng hết ở các công trình đồng thời phải tổ chức và đánh giá số phế liệu thu hồi theo từng đối tượng sử dụng.

- Trong công tác hạch toán, từ việc tổ chức ghi chép ban đầu đến tổng hợp, phân tích chi phí vật liệu và tình hình sử dụng vật liệu kế toán phải sử dụng triệt để hệ thống định mức trừ hao vật liệu đã có và phải có tác động tích cực để không ngừng hoàn thiện hệ thống định mức đó.

- Vật liệu xuất sử dụng phải được tính theo giá thực tế gồm giá mua và chi phí thu mua, không bao gồm thuế giá trị gia tăng nếu doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng TK 621

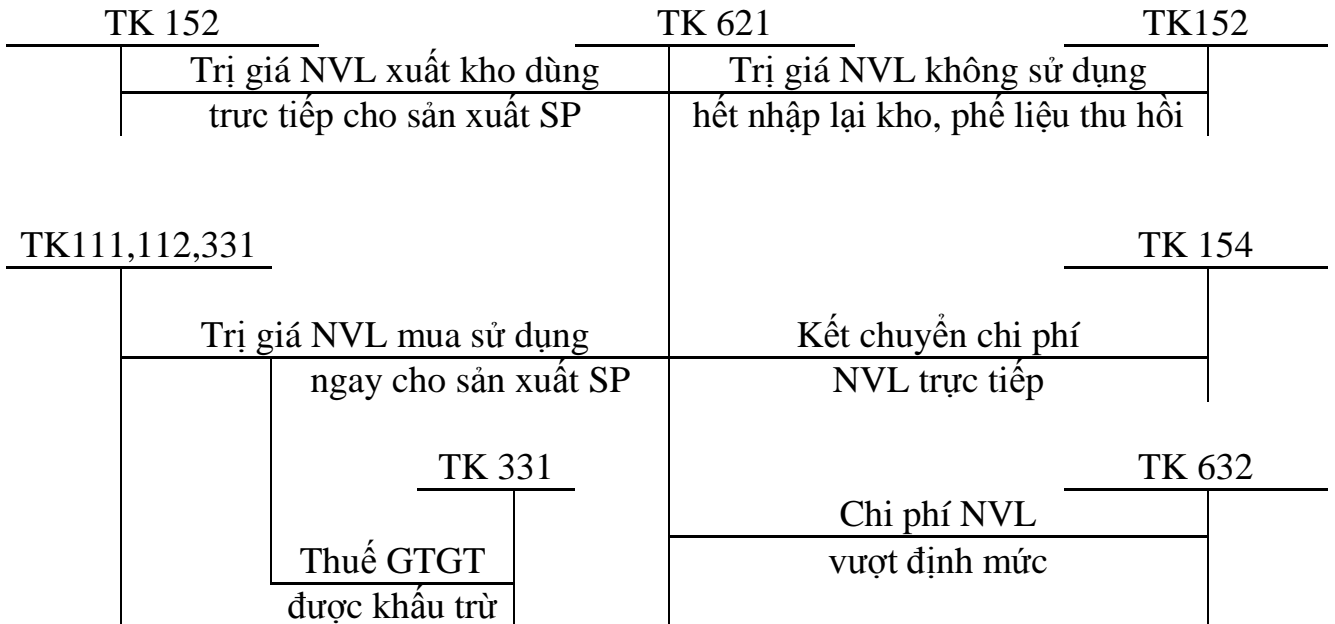
Kết cấu TK 621 (CPNVLTT)

Trị giá NVL xuất dùng trực tiếp hoạt động xây lắp	- Trị giá NVL xuất dùng không cho hết đem về nhập kho. - Kết chuyển CPNVLTT
--	---



TK 621 cuối kỳ không có số dư

Quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có thể khái quát qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

*1.5.3.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp*

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương, tiền công phải trả cho số ngày công lao động của công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng xây lắp, công nhân phục vụ xây lắp kể cả công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công ...

Theo quy định của Công văn mới nhất số 1540/BHXH – PT ban hành ngày 25/12/2009 của BHXH Việt Nam quy định mức đóng bảo hiểm hàng tháng là 28.5%. Trong đó BHXH: 22% (người sử dụng lao động đóng 16%, người lao động đóng 6%), BHYT: 4.5% (người sử dụng lao động đóng 3%, người lao động đóng 1.5%), BHTN: 2% (người sử dụng lao động đóng 1%, người lao động đóng 1%) và theo quy định hiện hành trích 2% KPCĐ trên lương thực tế.

Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp cần tôn trọng những nguyên tắc sau:

- Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất có liên quan đến công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình nào thì phải hạch toán trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó trên cơ sở các chứng từ gốc về lao

động và tiền lương như bảng chấm công, hợp đồng làm khoán... Trong điều kiện sản xuất xây lắp không cho phép tính trực tiếp chi phí nhân công cho từng công trình hạng mục công trình thì kế toán phải phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho các đối tượng theo tiền lương định mức hay gia công định mức.

- Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp không bao gồm tiền lương công nhân viên điều khiển máy thi công và phục vụ máy thi công.

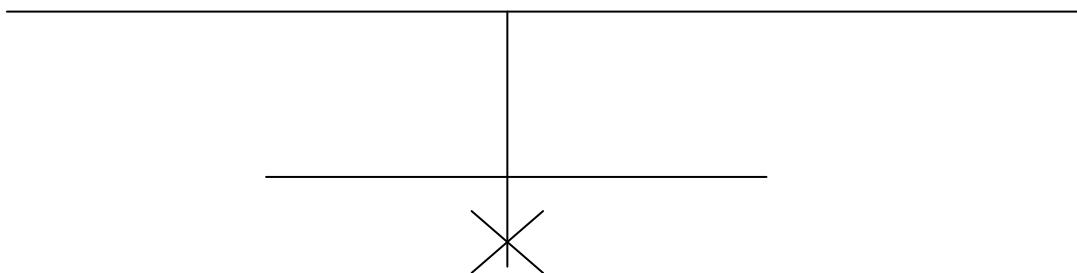
- Các khoản trích theo tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất như: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng TK 622

Kết cấu TK 622 (CPNCTT)

CPNCTT tham gia thực hiện	Kết chuyển CPNCTT tiếp vào CPSX
khối lượng xây lắp	kinh doanh dở dang

TK 622 cuối kỳ không có số dư.



Quy trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp có thể khái quát qua sơ đồ sau:

TK 334	TK 622	TK 154
Tiền lương phải trả cho CNTT sản xuất	Kết chuyển chi phí NCTT	
TK 335		TK 632
Trích trước tiền lương nghỉ của CNTT sản xuất	Chi phí NCTT vượt định mức	
TK 338		
Trích BHXH, BHYT, BHTN KPCĐ theo tỷ lệ quy định		

**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp**

**1.5.3.3. Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công**

Chi phí sử dụng MTC để tập hợp phân bổ chi phí sử dụng MTC phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp.

\* Trong trường hợp DN xây lắp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức vừa thủ công vừa hỗn hợp vừa kết hợp bằng máy thì chi phí sử dụng MTC được hạch toán vào TK 623.

- TK 623 có 6 tài khoản cấp 2 :

TK 6231: Chi phí nhân công – Bao gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp của công nhân điều khiển máy, tài khoản này không phản ánh các khoản trích theo lương trên lương phải trả của công nhân sử dụng máy thi công, mà các khoản trích theo lương này được hạch toán vào tài khoản 627 – chi phí sản xuất chung.

TK 6232: Chi phí vật liệu – Bao gồm chi phí NVL, VL phục vụ MTC.

TK 6233: Chi phí dụng cụ sản xuất – Bao gồm chi phí về dụng cụ.

TK 6234: Chi phí khấu hao máy thi công – Dùng phản ánh khấu hao máy móc thi công sử dụng vào hoạt động xây lắp CT, HMCT.

TK 6237: Chi phí dịch vụ thuê ngoài – phản ánh dịch vụ mua ngoài như thuê ngoài sửa chữa MTC, bảo hiểm MTC, chi phí điện nước, tiền thuê TSCĐ, chi phí phải trả cho nhà thầu phụ,...

TK 6238: Chi phí bằng tiền khác – Phản ánh các chi phí bằng tiền học vụ cho hoạt động của MTC.

\* Trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp hoàn toàn bằng máy thì không sử dụng TK 632 mà các CPXL hạch toán trực tiếp vào các TK 621, 622, 627.

Để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công kế toán sử dụng TK 623

**Kết cấu TK 623 (CPSDMTC)**

CPSDMTC phát sinh trong kỳ	- Các khoản giảm CPSDMTC - Kết chuyển CPSDMTC vào CPSX dở dang cuối kỳ
----------------------------	---

TK 623 không có số dư cuối kỳ

TK 623 được chia thành sáu tài khoản cấp hai :

- TK 6231: Chi phí nhân công.
- TK 6232: Chi phí vật liệu.
- TK 6233: Chi phí công cụ, dụng cụ.
- TK 6234: Chi phí khấu hao máy thi công
- TK 6237: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6238: Chi phí bằng tiền khác.

Qui trình hạch toán chi phí máy thi công có thể khái quát qua sơ đồ sau:

TK 111, 334	TK 623	TK 154
Tiền lương phải trả cho công nhân vận hành máy	Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công trong kỳ	
TK152,153,141,111		
VL, CCDC xuất kho hoặc mua ngoài sử dụng		
TK 214		
Chi phí khấu hao máy thi công		
TK 111,112,331		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí bằng tiền khác		

**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí máy thi công**

**1.5.3.4. Hạch toán chi phí sản xuất chung**

Chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức, phục vụ quản lý thi công của các đội xây lắp ở các công trường xây dựng. Chi phí sản xuất chung là chi phí tổng hợp bao gồm nhiều khoản chi phí khác nhau thường có mối quan hệ gián tiếp với các đối tượng xây lắp như: Tiền lương nhân viên quản lý đội xây dựng, khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPHCĐ được tính theo tỷ lệ quy định trên tiền lương của công nhân trực tiếp xây, lắp, công nhân sử dụng máy thi công ...

Hạch toán chi phí sản xuất chung cần tôn trọng những nguyên tắc sau:

- Phải tổ chức hạch toán chi phí sản xuất chung theo từng công trình, hạng mục công trình đồng thời phải chi tiết theo các điều khoản quy định.
- Khi thực hiện khoán chi phí sản xuất chung cho các đội xây dựng thì phải quản lý tốt chi phí đã giao khoán, từ chối không thanh toán cho các đội nhận khoán số chi phí sản xuất chung ngoài dự toán, bất hợp lý.
- Trường hợp chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều đối tượng xây lắp khác nhau kế toán phải tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đối tượng liên quan theo tiêu thức hợp lý như: chi phí nhân công trực tiếp hoặc chi phí sản xuất chung theo dự toán ...

Để hạch toán chi phí sản xuất chung kế toán sử dụng TK 627.

Kết cấu TK 627 (CPSXC)

CPSXC phát sinh trong kì	- Các khoản ghi giảm CPSXC - Kết chuyển CPSXC vào chi phí sản phẩm
--------------------------	---

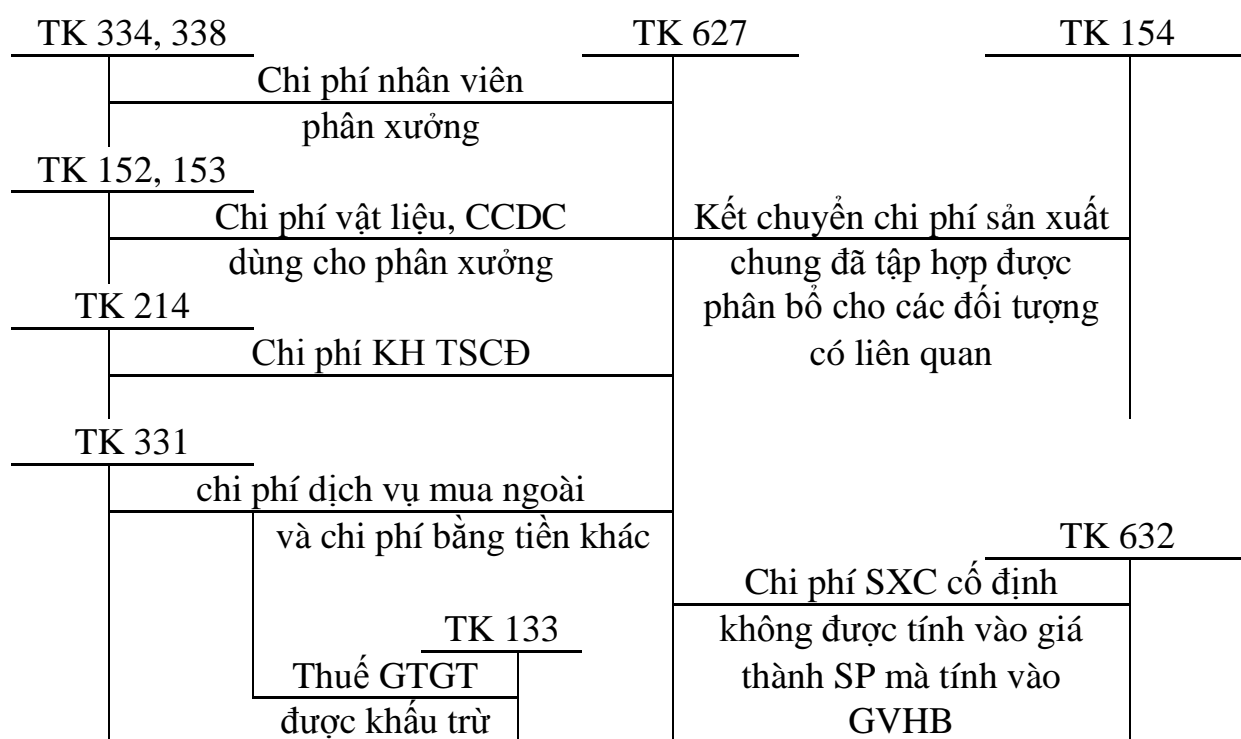


TK 627 cuối kỳ không có số dư

TK 627 được chia thành sáu tài khoản cấp hai:

- TK 6271: Chi phí nhân viên quản lý đội
- TK 6272: Chi phí vật liệu
- TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất
- TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6278: Chi phí bằng tiền khác

Quy trình hạch toán chi phí sản xuất chung có thể khái quát qua sơ đồ sau :



**Sơ đồ 1.4:** Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung

**1.6. Hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất và đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ**

**1.6.1. Hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất để tính giá thành theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm xây lắp thường được tiến hành vào cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành toàn bộ, trên cơ sở các bảng tính toán phân bổ chi phí vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung cho các đối tượng tập hợp chi phí đã được xác định. Việc tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp phải thực hiện theo từng công trình hạng mục công trình và theo các khoản mục chi phí đã quy định.

Tài khoản sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất là TK 154: “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

**Kết cấu TK 154 (CPSXKDDD)**

CPSX sản phẩm xây lắp trong kỳ	- Giá thành bàn giao - Giá trị phế liệu thu hồi - Giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được.
<u>Số dư cuối kỳ:</u> - CP SXKD DD cuối kỳ - Giá thành xây lắp của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao cho nhà thầu chính chưa được xác định tiêu thụ trong kỳ.	

TK 154 có bốn tài khoản cấp hai :

- TK1541: Xây lắp
- TK1542: Sản phẩm khác
- TK1543: Dịch vụ.
- TK1544: Chi phí bảo hành xây lắp.

Trình tự hạch toán tập hợp chi phí sản xuất có thể khái quát qua sơ đồ sau:

TK 621	TK154	TK 152
kết chuyển chi phí NVLTT	Phế liệu thu hồi do sản phẩm hỏng	
TK 622		TK 138
Kết chuyển chi phí NCTT	Bồi thường phải thu do sản phẩm hỏng	
TK 623		TK 155
Kết chuyển chi phí MTC	Giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành nhập kho	
TK 627		TK 157
	Giá thành sản xuất thành phẩm gửi bán	
		TK 632
Kết chuyển chi phí SXC	Giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành bán ngay không qua kho	
	Chi phí SXC cố định không được tính vào giá thành	
	Sản phẩm	

**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên**

**1.6.2 Hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất để tính giá thành theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

Theo phương pháp này, cuối kỳ, CPSX tập hợp trên các tài khoản TK621, TK 622, TK 623, TK 627 không kết chuyển sang TK 154 mà kết chuyển sang TK 631 “giá thành sản xuất”. Từ đó tổng hợp CPSX và Z<sub>SPXL</sub> hoàn thành trong kỳ.

Đối với doanh nghiệp sử dụng phương pháp KKĐK thì cuối kỳ phải tiến hành kiểm kê, đánh giá, xác định giá trị vật tư tồn kho cuối kỳ để xác định được trị giá NVL xuất dùng trong kỳ. Khi đó, các tài khoản tồn kho TK 152, TK 153, TK 154 ... chỉ phản ánh giá trị NVL, sản phẩm, hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ.



Trên các tài khoản này không phản ánh trực tiếp các nghiệp vụ nhập – xuất SP, VL. Trình tự hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ theo sơ đồ sau:

TK 154	TK 631	TK 154
Kết chuyển giá trị SP dở dang đầu kỳ	Kết chuyển giá trị SP dở dang cuối kỳ	
TK 621		TK 152
Chi phí NVL trực tiếp	Phế liệu thu hồi	
TK 622		TK 138
Chi phí nhân công trực tiếp	Tiền bồi thường phải thu về sản phẩm hỏng	
TK 623		TK 623
Chi phí máy thi công		
TK 627	Giá thành sản xuất của SP	
Chi phí sản xuất chung	hoàn thành trong kỳ	

**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

**1.6.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ**

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quá trình sản xuất, chế biến tức là đang nằm trên dây truyền công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài công đoạn nhưng vẫn phải tiếp tục chế biến để trở thành sản phẩm.

Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan đến cả sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang thì đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán chính xác phần chi phí sản xuất mà sản phẩm dở dang trong kỳ gánh chịu. Vì vậy việc đánh giá một cách hợp lý chi phí sản xuất liên quan đến sản phẩm dở dang có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định chính xác giá thành trong kỳ. Song việc đó rất phức tạp, khó có thể thực hiện một cách chính xác. Do đó kế toán cần phải căn cứ vào từng loại hình sản xuất và đặc điểm sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp mà áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang thích hợp.

**1.6.3.1 Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Theo phương pháp này, kế toán giả định trong sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ

có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp mà không tính đến các chi phí sản xuất khác (như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung). Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVLTT phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} * \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

**1.6.3.2 Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương.**

Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương như dựa vào mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang để quy đổi sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành. Để đảm bảo tính chính xác của việc tính giá, phương pháp này chỉ nên áp dụng để tính các chi phí chế biến còn các chi phí nguyên vật liệu chính phải được xác định theo số thực tế đã đúng. Theo phương pháp này giá trị sản phẩm dở dang được tính như sau :

Phần chi phí nguyên vật liệu chính được phân bổ đều 100% cho cả sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành, được tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ theo số lượng sản phẩm dở dang thực tế:

$$\text{Chi phí tính cho SP dở dang cuối kỳ (A)} = \frac{\text{Chi phí NVL chính đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL chính phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng SP hoàn thành} + \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ}} * \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ thực tế}$$

Phần chi phí chế biến của sản phẩm sản xuất ngoài chi phí NVL chính được tính theo số lượng sản phẩm dở dang quy đổi theo mức độ hoàn thành :

$$\text{Chi phí chế biến tính cho SP dở dang cuối kỳ (B)} = \frac{\text{Chi phí chế biến đầu kỳ} + \text{Chi phí chế biến phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng SP hoàn thành} + \text{Số lượng SP dở dang quy đổi}} * \text{Số lượng SP dở dang cuối kỳ thực tế}$$

$$\text{Chi phí tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ} = A + B$$

**1.6.3.3 Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức**

Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp định mức được vận dụng phù hợp với những doanh nghiệp có xác định giá thành sản phẩm định mức. Đặc điểm của phương pháp này là CPNVLTT, CPNCTT, CPSXC của sản phẩm dở

dang được xác định căn cứ vào định mức tiêu hao của những công đoạn đã thực hiện được tỷ lệ hoàn thành. Nếu sản phẩm được chế tạo không phải qua các công đoạn có định mức tiêu hao được xác lập riêng biệt thì các khoản mục chi phí của sản phẩm dở dang được xác định căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành và định mức từng khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm hoàn thành.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị SP} & & \text{Chi phí định} & & & & \text{Số lượng SP} \\ \text{dở dang} & = & \text{mức} & * & \text{Tỷ lệ hoàn thành} & * & \text{dở dang} \end{array}$$

Ngoài phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp định mức nêu trên thì chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang cũng có thể được xác định theo giá thành kế hoạch trong trường hợp doanh nghiệp không xác định giá thành kế toán. Ngoài ra trên thực tế, người ta còn áp dụng các phương pháp khác để xác định giá trị sản phẩm dở dang như phương pháp thống kê kinh nghiệm, phương pháp tính theo chi phí vật liệu chính và vật liệu phụ nằm trong sản phẩm dở dang.

*1.6.3.4 Đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chế biến.*

Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến là phương pháp tính để đơn giản cho việc tính toán, đối với những sản phẩm mà chi phí chế biến chiếm tỷ trọng thấp trong tổng chi phí thì kế toán thường sử dụng phương pháp này. Thực chất đây là một dạng của phương pháp ước lượng tính theo sản lượng tương đương, trong đó giả định sản phẩm dở dang đã hoàn thành ở mức 50% so với thành mức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị SP dở} & & \text{Giá trị NVL chính nằm} & & & & \text{50\% chi phí} \\ \text{dang} & = & \text{trong SP dở dang} & + & & & \text{chế biến} \end{array}$$

**1.7. Kế toán tính giá thành tại các doanh nghiệp xây lắp**

**1.7.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp**

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, công việc, lao vụ do doanh nghiệp sản xuất ra, cần được tính giá thành và giá thành đơn vị.

Khác với hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành là việc xác định được giá thực tế từng loại sản phẩm đã được hoàn thành. Xác định đối tượng tính giá thành là công việc đầu tiên trong toàn bộ công tác tính giá thành sản phẩm. Bộ phận kế

toán giá thành phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp, các loại sản phẩm và lao vụ doanh nghiệp sản xuất ... để xác định đối tượng tính giá thành cho thích hợp. Trong các doanh nghiệp xây lắp, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là các công trình, hạng mục công trình hay khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

### **1.7.2. Kỳ tính giá thành**

- Nếu đối tượng tính giá thành là các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành theo đơn đặt hàng thì thời điểm tính giá thành là khi công trình, hạng mục công trình hay đơn đặt hàng hoàn thành.

- Nếu đối tượng tính giá thành là các hạng mục công trình được quy định thanh toán theo giai đoạn xây dựng thì kỳ tính giá thành là theo giai đoạn xây dựng hoàn thành.

- Nếu đối tượng tính giá thành là những hạng mục công trình được quy định thanh toán định kỳ theo khối lượng từng loại công việc trên cơ sở giá dự toán thì kỳ tính giá thành là theo cuối tháng hoặc cuối quý.

### **1.7.3. Phương pháp tính giá thành**

Phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp là phương pháp sử dụng số liệu về chi phí sản xuất để tính toán ra tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm, hoặc lao vụ đã hoàn thành theo các yếu tố hoặc khoản mục giá thành trong kỳ tính giá thành đã được xác định.

Tuỳ theo đặc điểm của từng đối tượng tính giá thành, và mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành mà kế toán lựa chọn phương pháp thích hợp để tính giá thành cho từng đối tượng.

*\* Phương pháp tính giá thành trực tiếp ( giản đơn)*

Đây là phương pháp tính giá thành phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp. Vì hiện nay sản xuất xây lắp mang tính đơn chiếc cho nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường phù hợp với đối tượng tính giá thành. Mặt khác phương pháp này cho phép cung cấp một cách kịp thời số liệu giá thành cho mỗi kỳ báo cáo.

Theo phương pháp này thì tất cả các chi phí phát sinh trực tiếp cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành chính

thức là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó.

Trong trường hợp công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành toàn bộ mà có khối lượng xây lắp bàn giao thì:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & & \text{Chi phí thực} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực} \\ \text{của KLXL hoàn} & = & \text{tế dở dang} & + & \text{phát sinh trong} & - & \text{tế phát sinh} \\ \text{thành ban giao} & & \text{đầu kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Trong trường hợp chi phí sản xuất tập hợp cho cả công trình nhưng giá thành thực tế phải tính riêng cho từng hạng mục công trình, kế toán có thể căn cứ vào chi phí sản xuất của cả nhóm và hệ số kinh tế kỹ thuật đã được quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thành thực tế cho từng hạng mục công trình.

*\* Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng (ĐDH)*

Phương pháp này áp dụng thích hợp trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu xây lắp theo đơn đặt hàng. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành là từng loại ĐDH.

Theo phương pháp này, hàng tháng chi phí sản xuất thực tế phát sinh được tập hợp theo từng ĐDH và khi hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất thực tế tập hợp được cũng chính là giá thành thực tế của ĐDH đó.

$$\text{Công thức : } Z = Di * H$$

Trong đó : H : Tỷ lệ phân bổ được tính (  $H = C / Di$  ).

C : Tổng chi phí tập hợp cho toàn đơn vị phải tính vào Z.

Di : Giá dự toán hạng mục công trình i.

*\* Phương pháp tính giá thành theo định mức*

Phương pháp này áp dụng đối với các doanh nghiệp xây dựng thoả mãn điều kiện sau:

Phải tính được giá thành định mức trên cơ sở các định mức và đơn giá tại thời điểm giá thành.

Vạch ra được một cách chính xác các thay đổi về định mức trong quá trình thực hiện thi công công trình.

Xác định được các chênh lệch định mức và nguyên nhân gây ra chênh lệch đó.

Giá thành thực tế của SP xây lắp	=	Giá thành định mức của SP xây lắp	±	Chênh lệch do thay đổi định mức	±	Chênh lệch do thoát ly định mức
----------------------------------	---	-----------------------------------	---	---------------------------------	---	---------------------------------

Phương pháp này rất phù hợp với đặc điểm của ngành xây lắp. Tuy nhiên để phương pháp này thực sự phát huy được tác dụng, kế toán cần tổ chức được hệ thống định mức tương đối chính xác và cụ thể, công tác hạch toán kế toán ban đầu cần phải chính xác và chặt chẽ.

*\* Phương pháp tổng cộng chi phí*

Phương pháp này được áp dụng thích hợp đối với công việc xây dựng các công trình lớn, phức tạp và quá trình xây lắp có thể chia ra cho các đội sản xuất khác nhau. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đội sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng.

Để tính giá thành sản phẩm cuối cùng phải tổng hợp chi phí sản xuất trừ đi chi phí thực tế của sản phẩm dở dang cuối kỳ của từng đội và cộng thêm chi phí thực tế của sản phẩm dở dang đầu kỳ. Công thức:

$$Z = D_{đk} + C_1 + C_2 + C_3 + \dots + C_n - D_{ck}$$

Trong đó:

- Z : Giá thành thực tế toàn bộ công trình
- D<sub>đk</sub> : Chi phí thực tế sản phẩm dở dang đầu kỳ
- C<sub>1</sub>, C<sub>2</sub>, ..., C<sub>n</sub> : Chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hay từng hạng mục công trình, của một công trình
- D<sub>ck</sub> : Chi phí thực tế của sản phẩm dở dang cuối kỳ

**1.8. Hệ thống sổ sách kế toán sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp xây dựng**

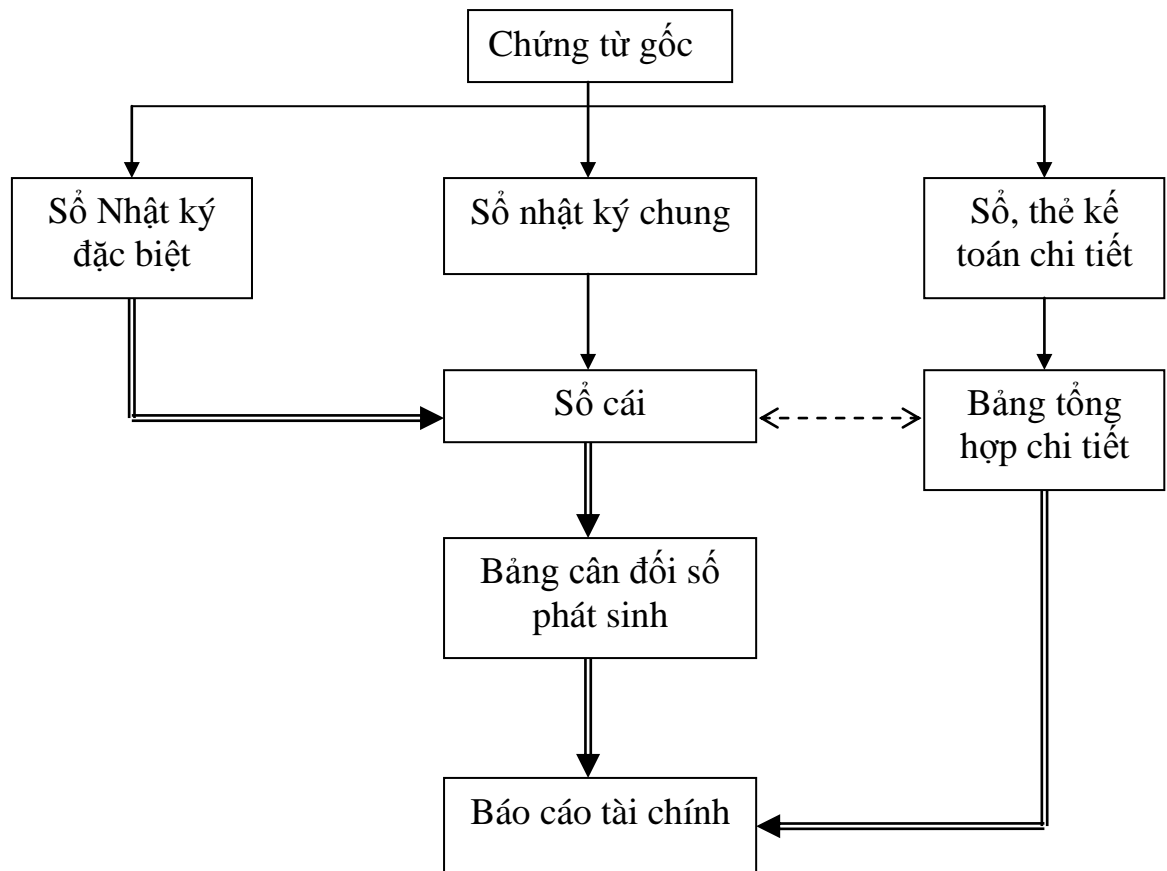
Tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh, điều kiện của mình mà doanh nghiệp áp dụng hình thức sổ kế toán cho phù hợp. Đồng thời cũng tùy các hình thức kế toán mà áp dụng các loại sổ khác nhau để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đó cho phù hợp.

**1.8.1. Hình thức nhật ký chung**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp

vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Hình thức kế toán nhật ký chung bao gồm các sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════>

Quan hệ đối chiếu <-.-.-.-.->

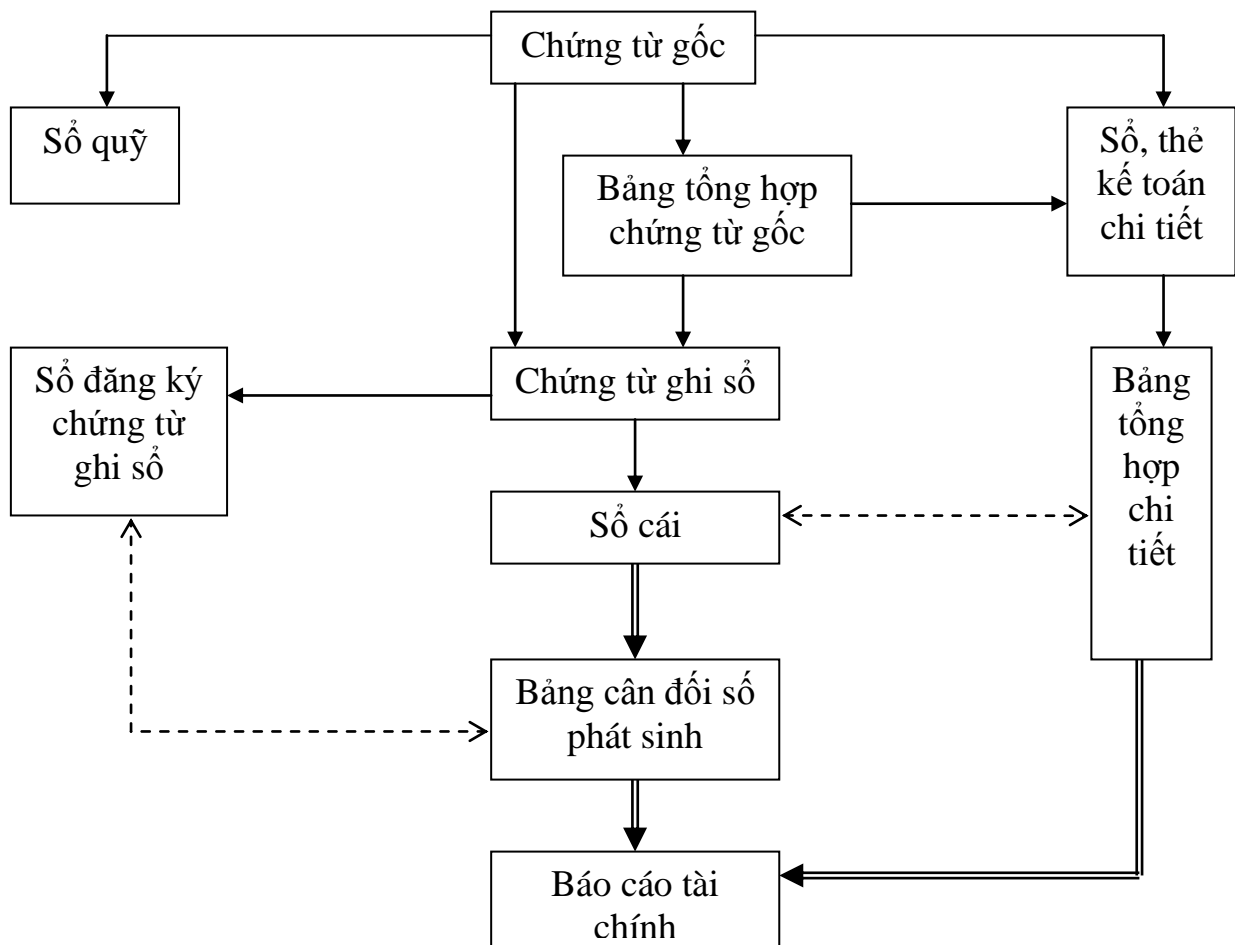
**Sơ đồ 1.7:** Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



1.8.2. Hình thức chứng từ ghi sổ

Hình thức chứng từ ghi sổ là sự cải tiến hình thức nhật ký chung cho phù hợp với những doanh nghiệp sử dụng nhiều tài khoản mà thực hiện việc ghi chép kế toán chủ yếu bằng tay. Hình thức này thay thế sổ nhật ký chung và sổ nhật ký chuyên dùng bằng các chứng từ ghi sổ. Hình thức này bao gồm các sổ như:

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái tài khoản
- Sổ chi tiết tài khoản



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ═══════>

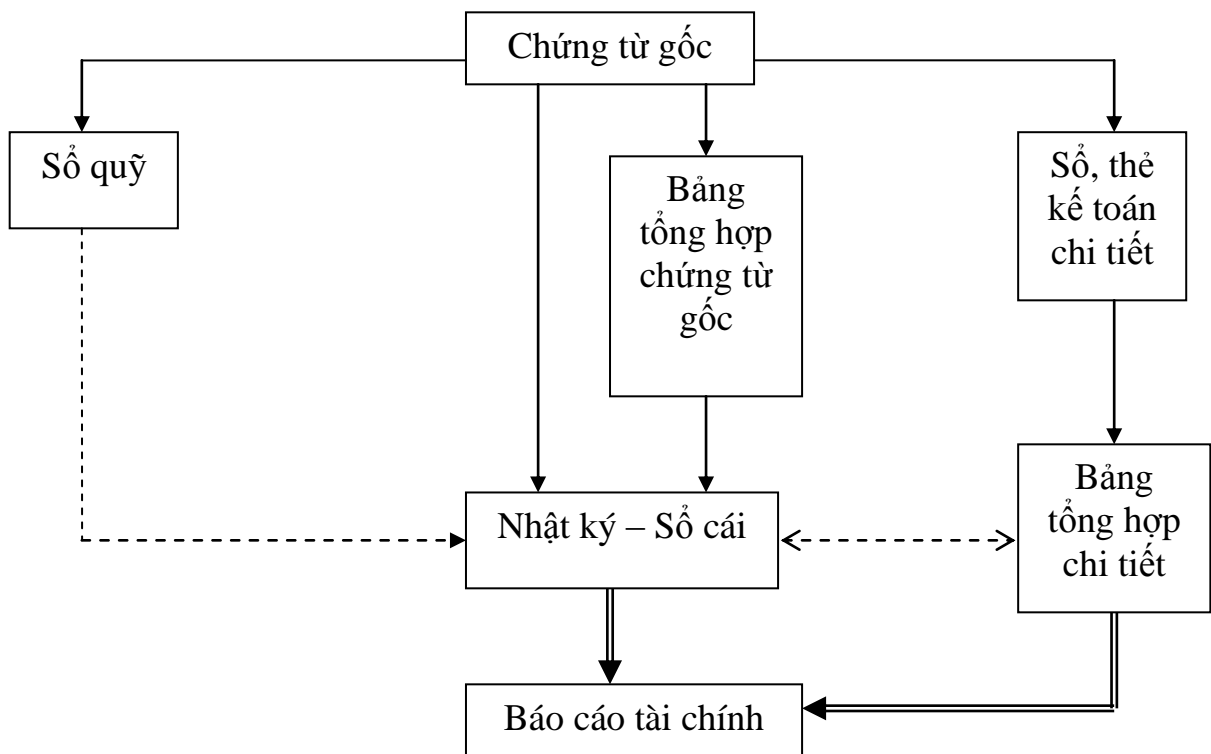
Quan hệ đối chiếu <----->

**Sơ đồ 1.8:** Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.8.3. Hình thức nhật ký - sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký - sổ cái là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi chép là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại. Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════>

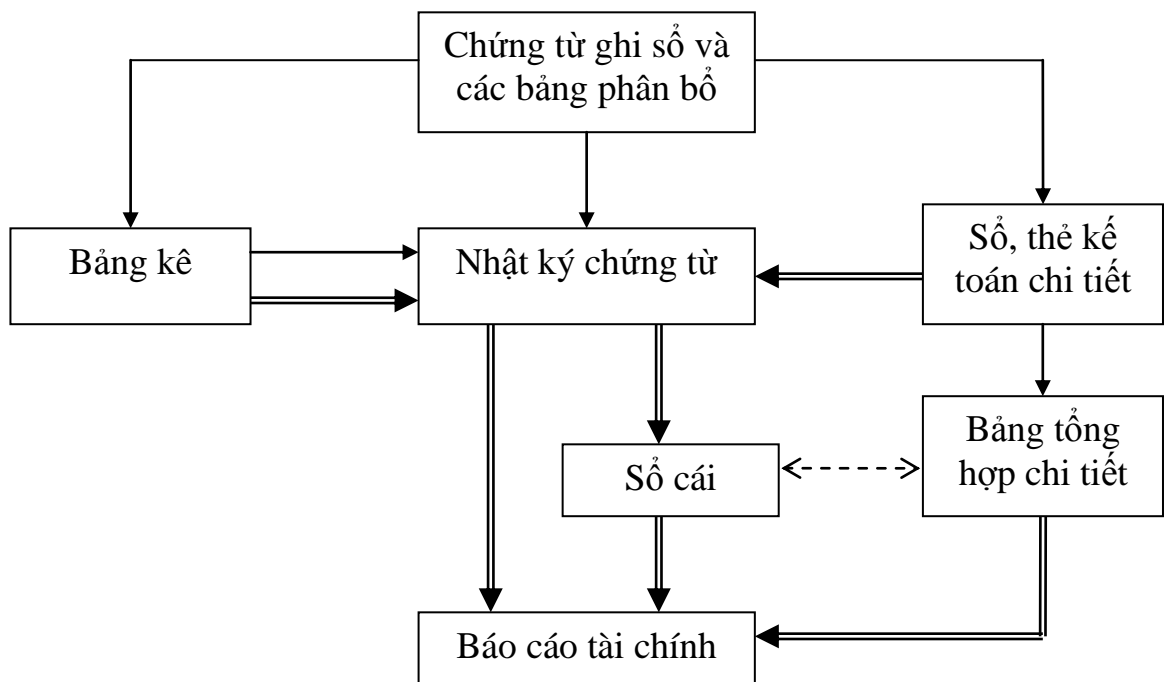
Quan hệ đối chiếu <----->

**Sơ đồ 1.9:** Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái.

1.8.4. Hình thức nhật ký chứng từ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký - chứng từ là tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng. Kết hợp việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế. Kết hợp việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ với cùng một quá trình ghi chép. Hình thức kế toán nhật ký - chứng từ bao gồm các sổ:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ kế toán chi tiết



Ghi chú:

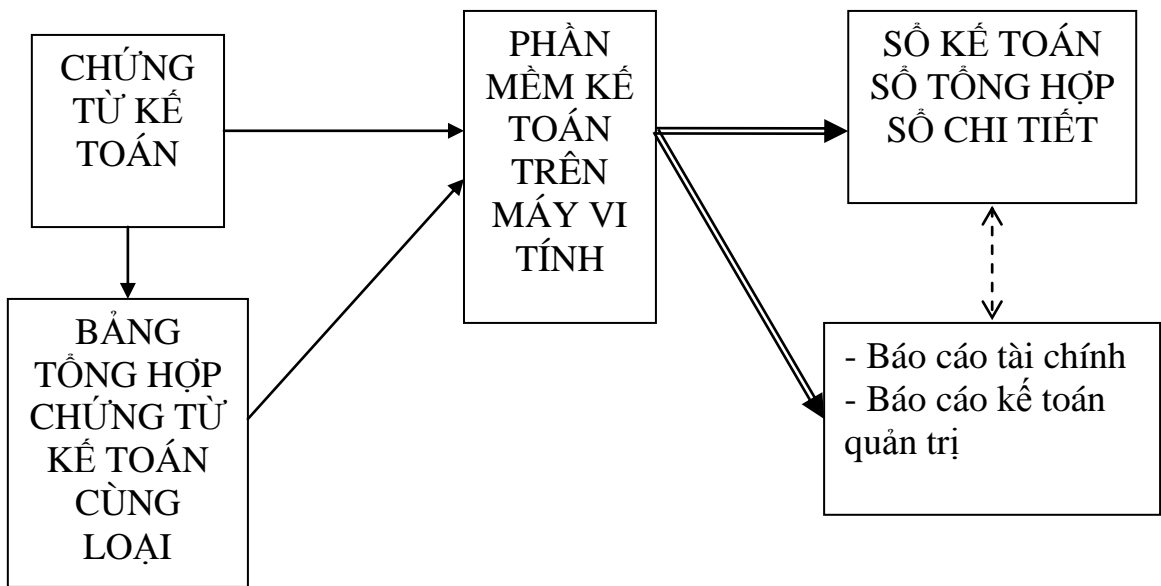
- Ghi hàng ngày  →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ  ==>
- Quan hệ đối chiếu  <- - - - ->

**Sơ đồ 1.10: Sơ đồ ghi sổ theo hình thức NK-CT.**

1.8.5. Hình thức kế toán máy

Đặc trưng của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán trên hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy tính: Phần mềm kế toán thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════→
- Quan hệ đối chiếu <----->

**Sơ đồ 1.11:** Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

---

## **CHƯƠNG II**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VIỆT KHÁNH**

#### **2.1 Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại Việt Khánh**

##### **2.1.1 Giới thiệu chung và quá trình phát triển**

###### **2.1.1.1 Giới thiệu chung**

Tên đầy đủ: Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh

Tên tiếng Anh : VIET KHANH TRADE CONSTRUCTICON JOINT STOCK COMPANY

Đại diện công ty : Ông Trần Ngọc Trúc – Giám đốc công ty

Trụ sở chính : Số 6B cụm 1 đường 5 thôn Cách Thượng – Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng.

Điện thoại/Fax : .31.749 797

Tài khoản : Số 14959599 Ngân hàng TM Cổ phần Á Châu Hải Phòng.

Mã số thuế : 02006646457

Điều kiện pháp nhân : Giấy chứng nhận KD số 0200646457 cấp ngày 30/01/2010

###### **2.1.1.2 Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Việt Khánh thành lập tháng 9 năm 2005. Trong thời gian đầu tuy gặp không ít khó khăn nhưng với kinh nghiệm của đội ngũ lãnh đạo cùng với sự quyết tâm, cố gắng của đội ngũ cán bộ công nhân viên, công ty đã từng bước phấn đấu, tích cực tham gia vào quá trình đấu thầu thi công các công trình trên địa bàn thành phố và các tỉnh bạn. Các công trình công ty đấu thầu tham gia thi công đều đạt chất lượng tốt cả về kỹ, mỹ thuật, đảm bảo đúng tiến độ được chủ đầu tư đánh giá cao.

Chỉ tiêu của công ty tính đến năm 2015, giá trị hợp đồng ký kết đạt 40 tỷ đồng, giá trị sản lượng đạt 35 tỷ đồng. Luôn đảm bảo về việc làm cho người lao động với mức thu nhập bình quân tính theo đầu người là 4,5 triệu đồng/ tháng. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng từ 20% đến 25%, mục tiêu đến năm 2020 giá trị sản lượng thực

hiện của công ty đạt 50 tỷ đồng trong đó sản lượng xây lắp chiếm 70%, đầu tư cơ sở hạ tầng chiếm 30%, nộp ngân sách nhà nước tăng 10% nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên công ty.

Công ty luôn tin tưởng vào khả năng cũng như kinh nghiệm của mình trong việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đề ra, giữ vững mối quan hệ với các đối tác, bạn hàng truyền thống, thực hiện tốt phương châm của công ty “ Uy tín là sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, Công ty chúng tôi hy vọng sẽ là đối tác tin cậy của tất cả quý khách hàng .

#### *2.1.1.3 Thuận lợi*

- Công ty đã có bề dày truyền thống và được sự tin nhiệm của nhiều khách hàng cho nên dù chịu ảnh hưởng không nhỏ của cuộc suy thoái kinh tế những năm qua nhưng công ty vẫn đứng vững duy trì và phát triển.

- Cơ chế quản lý điều hành trong công ty tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vốn điều lệ của công ty đã tăng từ 9,6 tỷ đồng lên 72,1 tỷ đồng.

- Công ty có nhiều ngành nghề hoạt động kinh doanh nên có lượng khách hàng rộng lớn từ đó không ngừng phát triển hoàn thiện về quy mô sản xuất, đội ngũ cán bộ công nhân viên.

- Được sự ủng hộ, chỉ đạo trực tiếp của Sở Xây Dựng Hải Phòng. Bên cạnh đó cũng được sự giúp đỡ của các sở, ban ngành của các tỉnh, thành phố nơi Công ty có công trình thi công.

- Công ty luôn luôn cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO sao cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### *2.1.1.4 Khó khăn*

Đồng hành cùng những mặt thuận lợi cũng là không ít khó khăn, thách thức mà doanh nghiệp phải vượt qua :

- Chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước trong những năm qua có nhiều thay đổi đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh.

- Tình hình một số giá cả vật tư biến động lớn ảnh hưởng đến chi phí đầu vào và công tác đấu thầu thực hiện các công trình xây lắp.

- Lực lượng lao động nhất lực lượng kỹ thuật, quản lý, công nhân kỹ thuật chưa đáp ứng được sự tăng trưởng vượt bậc trên nhiều lĩnh vực chủ yếu của công ty.

**2.1.1.5 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty**

- Nhận thầu xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buro điện, nền móng và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp. Các công trình đường dây, trạm biến thế điện. Lắp đặt diên nước và trang trí nội thất.

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng : bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn và các vật liệu xây dựng khác.

- Sản xuất kinh doanh máy móc, thiết bị, dụng cụ : Cốp pha, giàn giáo...

- Xuất nhập khẩu công nghệ xây dựng : Thiết bị tự động hóa, dây truyền sản xuất đồng bộ hoặc từng phần...

- Đầu tư kinh doanh bất động sản, kinh doanh phát triển nhà và các tổ hợp nhà cao tầng.

**2.1.2 Thành tích đạt được**

**2.1.2.1 Về sự biến động của tài sản và nguồn vốn tại công ty**

*Đơn vị tính : Đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
I. Tài sản			
A. Tài sản ngắn hạn	70.500.028.680	52.913.446.600	32.269.827.466
B. Tài sản dài hạn	77.295.404.420	116.744.143.600	172.008.429.561
Tổng tài sản	147.795.433.100	169.657.590.200	<b>204.278.257.027</b>
II. Nguồn vốn			
A. Nợ phải trả	25.265.578.400	32.014.262.800	26.007.204.656
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	122.529.854.700	137.643.327.400	178.271.052.371
Tổng nguồn vốn	147.795.433.100	169.657.590.200	<b>204.278.257.027</b>

**Bảng 2.1 : Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn qua các năm 2009, 2010, 2011**

Nhìn vào bảng trên ta có thể thấy tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty có xu hướng tăng đều qua các năm. Điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của Công ty đã được tăng cường, quy mô về năng lực sản xuất đã được mở rộng.

Nhìn vào bảng trên ta có thể thấy tổng tài sản và tổng nguồn vốn của

Công ty có xu hướng tăng đều qua các năm. Điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của Công ty đã được tăng cường, quy mô về năng lực sản xuất đã được mở rộng.

Nhìn vào bảng ta cũng thấy nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng cao hơn so với nợ phải trả và điều này được tăng trưởng qua các năm; cụ thể năm 2011 vốn chủ sở hữu chiếm 87,3% trong tổng nguồn vốn. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn cũng chiếm tỷ trọng cao hơn tài sản ngắn hạn; cụ thể năm 2011, tài sản dài hạn chiếm 84,2% trong tổng tài sản. Điều này chứng tỏ rằng, với sự cố gắng của ban Lãnh đạo và tập thể CBCNV trong đơn vị, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt hiệu quả cao mang lại lợi nhuận, tạo điều kiện để đơn vị tự trang trải và bổ sung nguồn vốn lưu động, tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực thiết bị thi công, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước chăm lo đời sống của CBCNV, nâng cao tự chủ về tài chính, đặc biệt là có nguồn vốn đầu tư cho các dự án mới mang lại hiệu quả cao, tạo luồng sinh khí mới cho đơn vị.

*2.1.2.2 Về sự biến động của doanh thu :*

*Đơn vị tính: 1000đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>
<b><i>Doanh thu thuần</i></b>	48.210.515	67.528.738	47.078.665
<b><i>Lợi nhuận sau</i></b>	15.051.269	24.551.260	21.312.336

**Bảng 2.2 Tình hình biến động về lợi nhuận trong các năm 2009, 2010, 2011**

Ta nhận thấy doanh thu thuần năm 2010 cao hơn năm 2009 là 19.318.223.000đ tương ứng tăng 40,07% và lợi nhuận sau thuế năm 2010 cao hơn năm 2009 là 9.499.991.000đ tương ứng tăng 63,12%. Tuy nhiên, năm 2011 doanh thu thuần giảm so với năm 2010 là 30,28% và lợi nhuận sau thuế năm 2011 giảm so với năm 2010 là 13,19%. Điều này do chịu ảnh hưởng hậu quả của sự suy giảm kinh tế và nợ công trên thế giới ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta từ năm 2009; lạm phát dẫn tới giá cả biến động thất thường làm cho chi phí nguyên vật liệu xây dựng, nhân công, máy thi công cao.

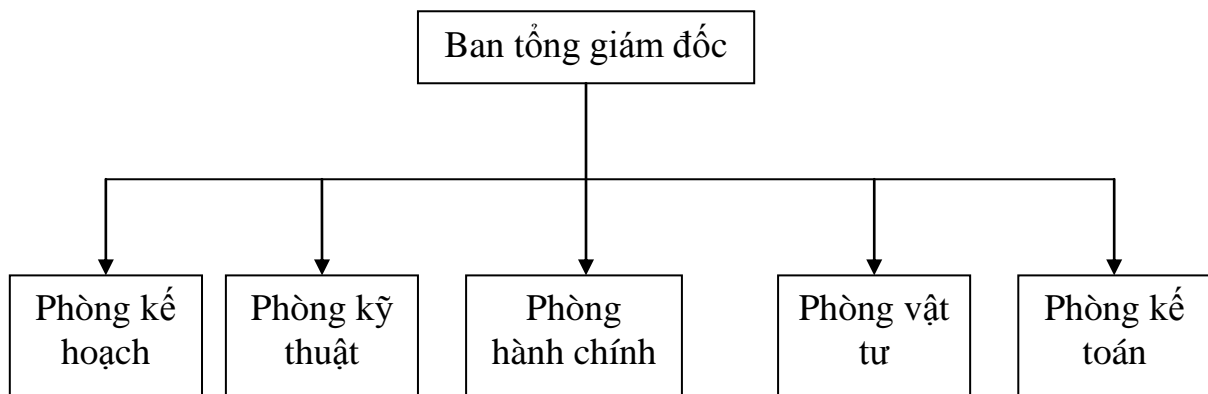
***2.1.3 Chức năng, ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh***

Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của Công ty là :



- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp
- Xây dựng công trình giao thông
- Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng
- Xây dựng các công trình thủy lợi, cầu cảng, trạm bơm, buro điện
- Đầu tư xây dựng và phát triển đô thị, khu công nghiệp
- San lấp mặt bằng
- Thi công lắp ghép kết cấu thép
- Gia công sửa chữa cơ khí
- Dịch vụ cho thuê thiết bị máy móc xây dựng, dịch vụ thương mại
- Kinh doanh và dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách thủy bộ

**2.1.4 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần xây dựng Việt khánh**



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức, điều hành Công ty**

- **Ban Giám đốc:** Ban giám đốc đứng đầu là Giám đốc, đồng thời là Chủ tịch HĐQT, người có quyền lực và chịu trách nhiệm cao nhất trong quá trình điều hành Công ty. Giúp việc cho Giám đốc có ba Phó giám đốc và các bộ phận phòng ban theo nghiệp vụ chức năng.

- **Phòng kế hoạch:** Tổ chức việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch giá thành, kế hoạch cung ứng vật tư, tính toán hiệu quả các biện pháp và ứng dụng kỹ thuật khoa học mới, đồng thời đề xuất những vấn đề kết hợp với các phòng ban có liên quan thực hiện công tác hạch toán kinh doanh và phân tích hoạt động kinh doanh, lập báo cáo kế hoạch thường xuyên định kỳ theo quy định

của Nhà nước và của Công ty.

- **Phòng kỹ thuật:** Làm nhiệm vụ giúp Giám đốc theo dõi, giám sát chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật công trình. Tham gia thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp, lập dự toán cho các công trình.

- **Phòng tổ chức hành chính:** Làm nhiệm vụ giúp Giám đốc trong công tác nghiệp vụ quản lý toàn bộ công nhân viên, lập kế hoạch lao động tiền lương, đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước.

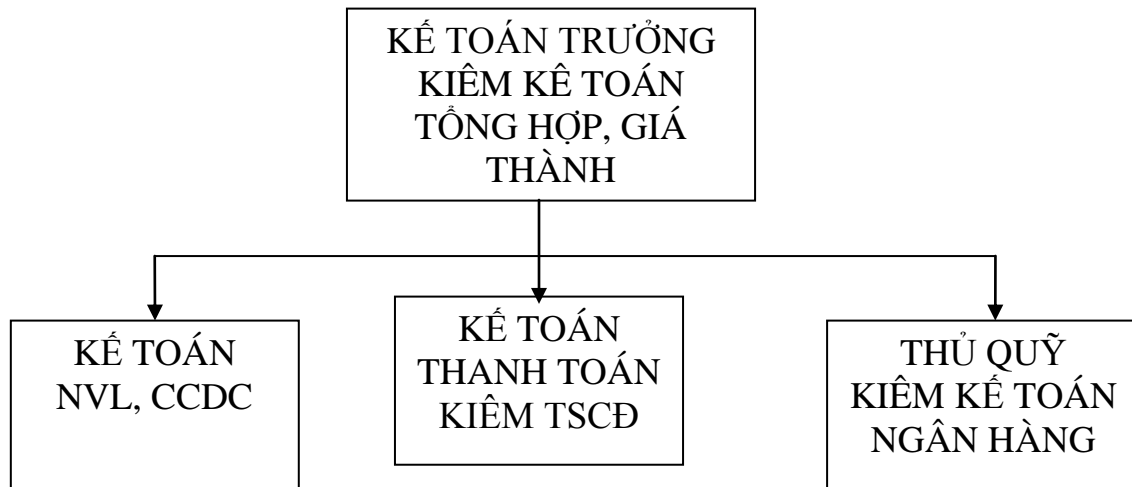
- **Phòng vật tư:** Làm nhiệm vụ cung ứng vật tư cho các công trình, xí nghiệp theo định mức của dự toán thi công từng công trình. Lập các báo cáo kế hoạch thường xuyên định kỳ theo quy định của Nhà nước và Công ty.

- **Phòng kế toán tài vụ:** Có chức năng Giám đốc về tài chính, kiểm tra phân tích hoạt động kinh doanh của Công ty, tình hình thực hiện kế hoạch, phản ánh trung thực các số liệu về các chỉ tiêu kinh tế. Từ đó tham mưu giúp cho Giám đốc đưa ra quyết định phù hợp với điều kiện cụ thể trong sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất, mặt khác còn theo dõi việc sử dụng vật tư tài sản, ngăn chặn kịp thời những lãng phí trong quá trình SXKD của Công ty.

### ***2.1.5 Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh***

#### ***2.1.5.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán***

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.



**Sơ đồ 2.2: Bộ máy tổ chức kế toán Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh**

**Phòng kế toán tài vụ:** Là trung tâm cung cấp những thông tin về sự vận động của tài sản, cung cấp chính xác cụ thể những con số thống kê hàng tháng, là căn cứ cho ban lãnh đạo Công ty kịp thời chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Cơ cấu tổ chức của phòng kế toán gồm 04 người

Chức năng, nhiệm vụ của mỗi người như sau :

- **Kế toán trưởng:** Là trưởng phòng chỉ đạo tất cả các bộ phận kế toán và chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác kế toán của Công ty, đồng thời là kế toán tổng hợp, kế toán giá thành tập hợp tất cả các số liệu do các bộ phận kế toán khác gửi lên, xác định tập hợp chi phí sản xuất phân bổ cho từng đối tượng sử dụng, tính giá thành từng công trình, theo dõi doanh thu và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Kế toán VL, CCDC:** Là người theo dõi tổng hợp tình hình nhập, xuất, tồn kho các loại vật liệu, công cụ dụng cụ.

- **Kế toán thanh toán kiêm TSCĐ:** Là người theo dõi lương, thưởng cho CBCNV đồng thời theo dõi tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ, tiến hành trích quỹ khấu hao hàng tháng.

- **Thủ quỹ kiêm kế toán ngân hàng:** Là người quản lý tiền mặt tại quỹ, chịu trách nhiệm thu tiền các công trình, thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng đồng thời có chức năng quan hệ thanh toán với ngân hàng.

#### 2.1.5.2 Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán

**\* Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty**

- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của Công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán: Từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 cùng năm

- Đơn vị tiền tệ: VNĐ

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho : Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao theo đường thẳng

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ, nộp thuế tại chi cục thuế quận Lê Chân.

- Công tác kế toán tại Công ty được thực hiện phần lớn trên máy tính, không sử dụng phần mềm kế toán mà chỉ thao tác trên Word, Excel.

- Hệ thống báo cáo tài chính gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**\* Hình thức kế toán**

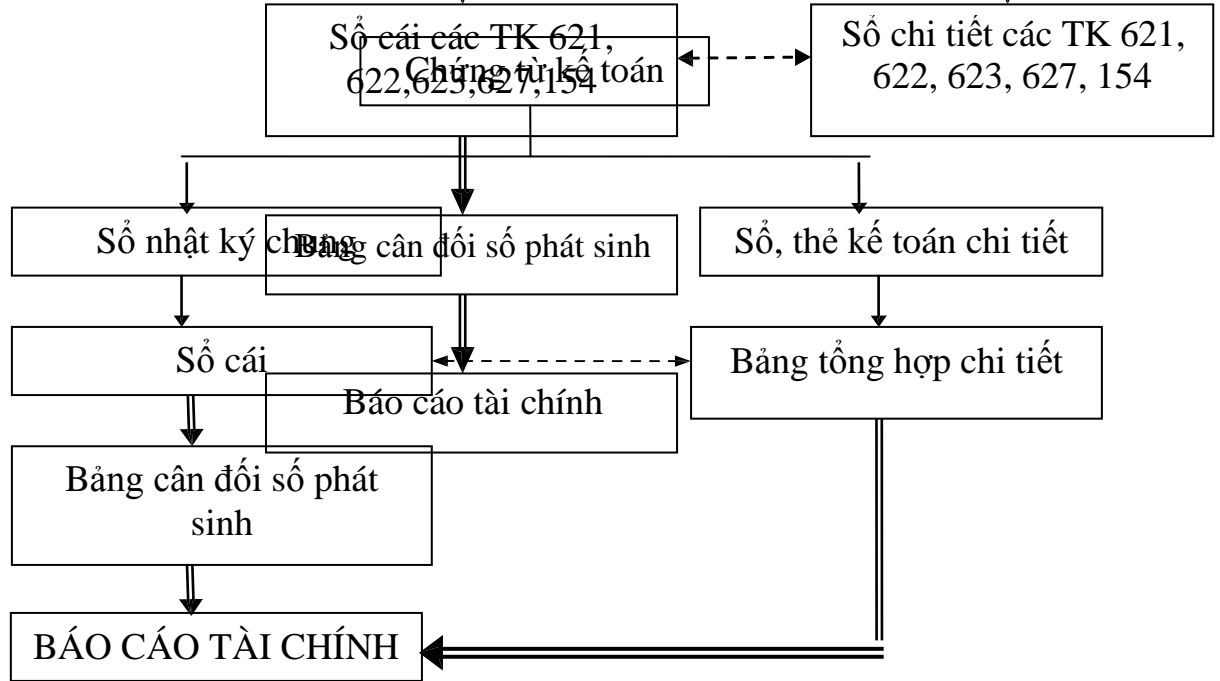
Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi, Công ty đã áp dụng hình thức kế toán "**NHẬT KÝ CHUNG**". Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau: sổ nhật ký chung; sổ cái; sổ, thẻ kế toán chi tiết; bảng tổng hợp chi tiết; bảng cân đối số phát sinh.

Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào các sổ kế toán chi tiết (nếu có) và sổ kế toán tổng hợp.

Phần hạch toán kế toán tổng hợp được thực hiện theo trình tự sau: từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ nhật ký chung theo thứ tự thời gian phát sinh các nghiệp vụ. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để tiến hành ghi vào sổ cái các tài khoản liên quan. Cuối tháng, quý, năm, kế toán cộng số liệu trên sổ cái, từ sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Phân hạch toán kế toán chi tiết được thực hiện theo trình tự sau: từ chứng từ gốc kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan theo thứ tự thời gian. Từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết.   
 Phiếu chi, bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng tính khấu hao...

Định kỳ, kế toán kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết, nếu khớp nhau là được. Số liệu ghi trên sổ cái, bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng là cơ sở để kế toán lập báo cáo tài Chính.



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày →
  - Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
  - Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung của Công ty**

**ghi chú:**

- Ghi hàng ngày  $\Longrightarrow$
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ  $\longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

**Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành của Công ty**

**2.2. Thực trạng hạch toán kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh:**

**2.2.1. Phân loại chi phí xây lắp tại Công ty:**

Xây dựng là một ngành sản xuất đặc biệt. Nó tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng cho xã hội, tạo tiền đề cho các ngành kinh tế khác phát triển. Vì vậy chi phí bỏ ra cho các công trình xây dựng cũng mang tính đặc thù và sự tham gia của các yếu tố chi phí vào quá trình thực hiện thi công công trình cũng khác so với các ngành sản xuất vật chất khác.

Phân loại chi phí xây lắp là việc sắp xếp chi phí vào từng nhóm theo những tiêu thức nhất định để đảm bảo cho việc hạch toán chi phí xây lắp được tiến hành thường xuyên và có hệ thống. Chi phí hoạt động xây lắp cũng có đầy đủ tính chất phân loại của chi phí sản xuất trong doanh nghiệp nói chung.

Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh phân loại chi phí xây lắp theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm để thuận tiện cho việc tính

giá thành sản phẩm xây lắp. Toàn bộ chi phí được phân loại theo khoản mục dựa vào chi phí và định mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng, giá thành toàn bộ sản phẩm xây lắp gồm bốn khoản mục:

*2.2.1.1 Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: chi phí này bao gồm:*

- Giá trị nguyên vật liệu như: thép xây dựng, xi măng, cát, đá, gạch ...
- Giá trị kết cấu bằng bê tông, kim loại đúc sẵn.
- Giá trị các loại thiết bị gắn liền với vật kiến trúc, thiết bị nội thất, các loại chi phí vật liệu khi phát sinh đều tính trực tiếp cho các hạng mục công trình, công trình.

Trong khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp này không bao gồm các loại vật liệu làm công trình tạm như: lán tre mưa, chi phí vận chuyển trên công trường nằm ngoài cự ly của định mức lao động và định mức sử dụng máy thi công. Khoản mục chi phí này thường chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí, khoảng từ 60 – 70% tổng chi phí.

*2.2.1.2 Chi phí nhân công trực tiếp:*

Chi phí nhân công trực tiếp là tiền lương, tiền công phải trả cho công nhân trực tiếp thực hiện các khối lượng xây lắp. Tỷ trọng của khoản mục chi phí này thường chiếm từ 10 – 15% tổng chi phí.

*2.2.1.3 Chi phí sử dụng máy thi công:*

Chi phí sử dụng máy thi công là máy móc thiết bị, xe máy thi công được sử dụng trực tiếp để thi công xây lắp. Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, nhân công, chi phí khác có liên quan đến quá trình sử dụng máy cho công trình xây lắp.

Trong toàn bộ chi phí xây lắp ở các đơn vị xây dựng, chi phí này thường chiếm từ 5 – 7% tổng chi phí. Đối với các công trình nhỏ, khó đi lại thì chi phí máy thi công thường lớn hơn so với dự toán. Do đó, Công ty có thể sử dụng một số công đoạn thủ công thay cho cơ giới để giảm chi phí phát sinh.

*2.2.1.4 Chi phí sản xuất chung:*

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí trực tiếp phục vụ cho sản xuất đội xây lắp, công trình xây dựng nhưng không được tính trực tiếp cho từng

đối tượng cụ thể. Chi phí này bao gồm:

- Chi phí tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trích theo lương theo tỷ lệ quy định cho nhân viên quản lý đội.

- Khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý đội

- Chi phí công cụ, dụng cụ dùng cho quản lý đội.

- Chi phí bằng tiền khác phục vụ cho công trình như đo đạc, bàn giao công trình, hành chính phí. Ngoài ra còn có chi phí phát sinh phụ thuộc vào điều kiện thi công từng công trình, cụ thể như sau:

+ Chi phí vận chuyển vật liệu ngoài cự ly quy định.

+ Chi phí điện, nước dùng cho thi công.

+ Chi phí về chuẩn bị sân bãi để vật liệu và mặt bằng thi công.

### **2.2.2 Đối tượng tập hợp chi phí xây lắp tại Công ty:**

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi và giới hạn mà các chi phí sản xuất cần được tập hợp để phục vụ cho công tác quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm. Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí là cơ sở để kế toán xây dựng các sổ chi tiết, các tài khoản chi tiết, các bảng kê tập hợp chi phí.

Căn cứ để xác định đối tượng:

- Căn cứ vào yêu cầu quản lý chi phí của doanh nghiệp.

- Căn cứ vào đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất và loại hình sản xuất.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thông thường, đối tượng tập hợp chi phí là một trong số các trường hợp sau:

- Toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.

- Từng phân xưởng, từng tổ đội, từng bộ phận sản xuất.

- Từng đơn đặt hàng, từng công trình, hạng mục công trình hoặc từng sản phẩm riêng biệt.

Đối với hoạt động xây lắp:

- Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp: trong ngành xây lắp, hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là thực hiện thi công từng hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng cơ sở hạ tầng. Mỗi một hạng mục công trình, mỗi một công trình có đặc điểm, quy mô và yêu cầu về kỹ - mỹ thuật



và chất lượng khác nhau.

- Đặc điểm sản phẩm: là các hạng mục công trình, công trình xây dựng cơ bản có hình thái vật chất cụ thể và được khối lượng công việc hoàn thành từng hạng mục công trình, công trình. Hạng mục công trình, công trình xây lắp được tạo ra khi các khối lượng công việc được hoàn thành và đưa vào bàn giao sử dụng nên có sản phẩm dở dang được chuyển từ kỳ trước sang kỳ này, từ kỳ này chuyển sang kỳ sau.

Do đặc điểm trên nên chi phí xây lắp tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh được tập hợp theo từng hạng mục công trình, từng công trình xây lắp.

### ***2.2.3 Đặc điểm tập hợp chi phí xây lắp tại Công ty:***

Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh có đặc điểm sản xuất là các công trình có thời gian xây dựng kéo dài, sản phẩm có người mua đặt trước, quá trình sản xuất có người mua (bên A) giám sát theo chất lượng đã ký kết trong hợp đồng giao thầu xây lắp.

Đối tượng tập hợp chi phí là từng khối lượng hoàn thành bàn giao theo từng công trình, hạng mục công trình. Căn cứ vào đặc điểm đó, Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh tổ chức kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Để quản lý chi phí xây lắp, Công ty đã tiến hành tập hợp chi phí theo 4 khoản mục chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sử dụng máy thi công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung.

### ***2.2.4 Nội dung và phương pháp kế toán các khoản mục chi phí tại Công ty:***

Kế toán tập hợp chi phí xây lắp, Công ty CP xây dựng thương mại Việt Khánh sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

- TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: tài khoản này được dùng để tập hợp chi phí vật liệu sử dụng trực tiếp cho các công trình, hạng mục công

trình. Tại Công ty, tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình. Tài khoản này không có số dư.

- TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp: tài khoản này dùng để tập hợp tiền công cho công nhân trực tiếp thực hiện thi công từng công trình, hạng mục công trình. Tại Công ty, tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình. Tài khoản này không có số dư.

- TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công trực tiếp: tài khoản này dùng để tập hợp tiền nhiên liệu, tiền công của công nhân lái máy, các chi phí liên quan để sử dụng máy thi công vào phục vụ từng công trình, hạng mục công trình. Tài khoản này được Công ty mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình. Tài khoản này không có số dư.

- TK 627 – Chi phí sản xuất chung: tài khoản này để tập hợp chi phí liên quan đến bộ phận quản lý đội xây dựng, bộ phận quản lý công trình và các chi phí khác có liên quan mà không thuộc các loại chi phí trên. Tài khoản này cũng được Công ty mở chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình. Tài khoản này không có số dư.

- TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: tài khoản này dùng để tập hợp toàn bộ chi phí có liên quan đến việc thực hiện thi công công trình, phục vụ tính giá thành xây lắp. Tại Công ty, tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

Em xin trích dẫn số liệu của “Công trình phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH FONGHO khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng” để trình bày quá trình tập hợp CPSX và tính Zsp tại Công ty CP xây dựng thương mại Việt Khánh.

#### *2.2.4.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:*

##### *2.2.4.1.1 Nội dung:*

Nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty cổ phần xây dựng hương mại Việt Khánh bao gồm:

- Nguyên vật liệu chính bao gồm: thép xây dựng, xi măng, gạch, cát, đá ...
- Nguyên vật liệu phụ bao gồm: cốp pha, ống nước, dây điện ...

Kế toán tập hợp nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh theo các khoản mục:

- Chi phí nguyên vật liệu chính trên TK 152.1
- Chi phí nguyên vật liệu phụ trên TK 152.2

Chi phí vật liệu chính cấu thành nên giá thành sản phẩm xây lắp được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Chi phí vật} & & \text{Chi phí NVL} & & \text{Chi phí NVL} & & \text{Chi phí NVL dờ} \\ \text{liệu chính} & = & \text{dờ dang đầu kỳ} & + & \text{nhập trong kỳ} & - & \text{dang cuối kỳ} \end{array}$$

**2.2.4.1.2 Chứng từ sử dụng:**

Hệ thống chứng từ kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác tình hình nhập, xuất kho nguyên vật liệu là cơ sở để tiến hành ghi chép trên các sổ chi tiết nhằm mục đích tăng cường công tác quản lý tài sản nói chung, Công tác quản lý vật liệu nói riêng. Các chứng từ Công ty thường sử dụng:

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Hoá đơn giá trị gia tăng.
- Sổ chi tiết nguyên vật liệu.
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu.

**2.2.4.1.3 Tài khoản sử dụng:**

Công ty sử dụng TK 621 – Chi phí NVL trực tiếp để tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến NVL. Tài khoản này cuối kỳ không có số dư và được mở chi tiết cho từng đối tượng hạch toán chi phí. Chi phí nguyên vật liệu trong kỳ được tập hợp bao nhiêu thì cuối kỳ được kết chuyển hết sang TK 154 – Chi phí SXKD dở dang để tập hợp tính giá thành sản phẩm. Tài khoản này có kết cấu như sau:

NỢ	TK 621	CÓ
- Trị giá thực tế NVL xuất dùng tiếp sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ, lao vụ trong kỳ hạch toán		- Chi phí NVL sử dụng không hết trực được nhập lại kho. - Kết chuyển hoặc phân bổ giá trị NVL thực sử dùng cho sản xuất trong kỳ vào các tài khoản liên quan.

#### *2.2.4.1.4 Phương pháp kế toán*

Đặc điểm của ngành xây dựng là khi xây dựng ở địa điểm nào thì các kho vật tư được xây cất tại khu vực đó. Căn cứ vào kế hoạch thi công từng hạng mục của công trình, cán bộ vật tư đi mua nguyên vật liệu với số lượng đủ để dự trữ cho công trình thi công đảm bảo tiến độ. Vì vậy, khi nguyên vật liệu được xuất dùng, giá vật liệu xuất kho được áp dụng theo phương pháp Nhập trước – xuất trước để đảm bảo chất lượng và số lượng mua vào của nguyên vật liệu đó; tránh tình trạng bị hao hụt và những nguyên nhân bất khả kháng làm tăng chi phí nguyên vật liệu.

#### **Ví dụ:**

\* Ngày 23/01/2011, cán bộ vật tư đi mua thép xây dựng của Công ty TNHH Sơn Trường cho công trình phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH FONGHO khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, đã trả bằng tiền gửi ngân hàng. Bên bán giao hoá đơn giá trị gia tăng (biểu số 2.1)

\* Khi mua NVL, cán bộ vật tư phải hoàn chứng từ cho nhân viên kinh tế đội là các hoá đơn GTGT.

**Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT**

**HÓA ĐƠN**

Mẫu số: 01 GTKT3LL

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**BX/2010B**

Liên 2: Giao cho khách hàng

**0062189**

Ngày 23 tháng 01 năm 2011

Đơn vị bán hàng:.....  
 Địa chỉ:.....  
 Số tài khoản:.....  
 Điện thoại:.....

**Công ty TNHH Sơn Trường**  
 Khu 6, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng.  
**MST: 0200414696**

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty CP xây dựng thương mại Việt Khánh

Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

MST: **0200509429**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép cây d12	cây	600	174.000	104.400.000
2	Thép cây d16	cây	500	302.000	151.000.000
3	Thép cây 20	cây	300	476.000	142.800.000
	/				
<b>Cộng tiền hàng:</b>					398.200.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		39.820.000
<b>Tổng cộng thanh toán</b>					<b>438.020.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm ba tám triệu không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.</i>					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu)	

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty CP XD TM Việt Khánh)

Khi NVL được mang về kho, thủ kho căn cứ vào biên bản bàn giao vật tư

và kiểm đếm đủ số lượng hàng và lập phiếu nhập kho ( biểu số 2.2 )

**Biểu số 2.2: Phiếu nhập kho**

**Công ty CP XD TM Việt Khánh  
Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng**

**Mẫu số 01 – VT  
( Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 23 tháng 01 năm 2011

Nợ TK 152

Số : PNK18/01

Có TK 112

Họ tên người giao hàng : *Nguyễn Văn Chung*

Theo : *Biên bản giao hàng ngày 23 tháng 01 năm 2011*

Của : *Công ty TNHH thép Sơn Trường*

Nhập tại kho : *Phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH Fongho  
KCN Nomura Hải Phòng*

STT	Tên hàng	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép cây d12		cây		600	174.000	104.400.000
2	Thép cây d16		cây		500	302.000	151.000.000
3	Thép cây d20		cây		300	476.000	142.800.000
	<b>Cộng</b>						<b>398.200.000</b>

- Tổng số tiền ( viết bằng chữ): Ba trăm chín tám triệu hai trăm nghìn đồng chẵn./.

- Số chứng từ gốc kèm theo : HĐ GTGT BX/2010B 0062189

Ngày 23...tháng 01 năm... 2011

**Người lập phiếu**

**Người giao hàng**

**Thủ kho**

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

*(ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(ký, họ tên)*

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất từng ngày, cán bộ kỹ thuật viết phiếu nhận vật

tư giao cho từng tổ sản xuất trực tiếp phần việc được giao. Công nhân cầm phiếu nhận vật tư xuống kho đưa cho thủ kho. Dựa vào số lượng trên phiếu nhận vật tư, thủ kho xuất vật tư và lập phiếu xuất kho ( biểu số 2.3 )

**Biểu số 2.3: Phiếu xuất kho**

Công ty CP XD TM Việt Khánh  
Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT  
( Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 23 tháng 01 năm 2011

Nợ TK 621

Số : P XK20/01

Có TK 152

Họ tên người giao hàng : *Đông Đức Nam*

Lý do xuất : *Gia công cốt thép cột tầng 3*

Xuất tại kho : *Phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH Fongho*

*KCN Nomura Hải Phòng*

STT	Tên hàng	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép cây d12		cây		600	174.000	104.400.000
2	Thép cây d16		cây		500	302.000	151.000.000
3	Thép cây d20		cây		300	476.000	142.800.000
	<b>Cộng</b>						<b>398.200.000</b>

- Tổng số tiền ( viết bằng chữ): Ba trăm chín tám triệu hai trăm nghìn đồng chẵn./.

Ngày 23...tháng 01... năm... 2011

Người lập phiếu      Người nhận hàng      Thủ kho      Trưởng bộ phận      Giám đốc  
(ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)

**Biểu số 2.4 : Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ**

Công ty CP XD TM Việt Khánh  
Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT  
( Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ( SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tháng 1 năm 2011

Tài khoản : 152

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ : thép

Tên kho : Phân xưởng sản xuất

Mã vật liệu :

Đơn vị tính : cây

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		<b>Số dư đầu kỳ</b>								
		.....	....	.....	....	.....	....	.....	.....	.....
PN18	23/01	Mua thép của công ty TNHH Sơn Trường	112	174.000	600	104.400.000				
PX 20	23/01	Xuất cho công trình phân xưởng sản xuất Fongho	621				600	104.400.000		
		.....	....	.....				.....	.....	....
		<b>Công phát sinh tháng</b>			1300	220.800.000	1300	220.800.000		
		<b>Số dư cuối kỳ</b>							0	0

- Sổ này có 30 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 30

- Ngày mở sổ : 01/01/2011

Ngày 31 tháng 01 năm 2011

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

Đề lập được sổ chi tiết dựa vào các chứng từ: phiếu nhập, phiếu xuất để tính ra số lượng tồn và giá trị tồn cuối tháng.



Từng loại vật liệu có sổ chi tiết riêng và kế toán Công ty ghi sổ theo từng tháng.

**Biểu số 2.5: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ**

Công ty CP XD TM Việt Khánh  
Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT  
( Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT  
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tài khoản : Nguyên vật liệu – 152  
Tháng 01 Năm 2011

STT	Tên vật liệu, dụng cụ	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	.....				
2	Thép cây d12		104.400.000	104.400.000	0
3	Thép cây d16		151.000.000	151.000.000	0
...	.....				
	Tổng cộng	250.150.000	450.250.000	465.200.000	235.200.000

**Người lập**  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 01 năm 2011  
**Kế toán trưởng**  
( ký, họ tên)

Cuối tháng, kế toán thu nhận chứng từ do nhân viên kinh tế mang nộp tại phòng kế toán về phiếu nhập, phiếu xuất cho từng công trình, hạng mục công trình. Việc tính giá vật tư căn cứ vào chứng từ có liên quan như: phiếu nhập, hoá đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng. Kế toán ghi:

Nợ TK 152.1 : NVL chính nhập kho  
Nợ TK 152.2 : NVL phụ nhập kho  
Nợ TK 133.1 : Thuế GTGT được khấu trừ  
Có TK 112 : Tiền gửi ngân hàng  
Có TK 111 : Tiền mặt  
Có TK 331 : Phải trả người bán

Căn cứ vào phiếu nhập kho theo từng đợt hàng về, kế toán lập bảng kê:

$$\text{Số lượng} \times \text{Đơn giá} = \text{Thành tiền}$$

Và cộng thêm cước vận chuyển tới tận chân công trình, trên bảng kê, kế toán tính giá trị vật liệu xuất dùng theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dữ trữ cho đối tượng sử dụng. Kế toán định khoản:

Nợ TK 621-CT PX SX : 2.800.000.000  
Có TK 152.1 : 2.650.000.000  
Có TK 152.2 : 150.000.000

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí NVL trực tiếp sang TK 154 để tập hợp chi phí tính giá thành công trình phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH Fongho KCN Nomura - Hải Phòng. Kế toán ghi:

Nợ TK 154-CT PX SX : 2.800.000.000  
Có TK 621-CT PXSX : 2.800.000.000

Kế toán sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, hợp lệ của HĐGTGT, ..Sau đó kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 621.

**Biểu số 2.6: Sổ nhật ký chung**

Công ty CP XD TM Việt Khánh  
Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT  
( Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

( Trích số liệu từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011)

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		...	...
			.....			
23/01	HĐ 0062189	23/01	Mua thép của Cty TNHH Sơn Trường	152	398.200.000	
				133	39.820.000	
				112		438.020.000
31/01	PX20	23/01	Xuất thép cho công trình PX SX Công ty TNHH Fongho Nomura HP	621	398.200.000	
				152		398.200.000
05/02	PC 10	05/02	Mua cát của Cty TNHH Quang Huy	152	7.291.800	
				133	729.180	
				111		8.020.980
			.....			
17/02	HĐ 0072109	17/02	Mua xi măng, thép cho CT	152	956.131.208	
				133	95.613.121	
				331		951.744.329
21/02	HĐ 0073304	21/02	Mua cát bê tông, cát xây	152	15.558.637	
				133	1.555.864	
				112		17.114.501
22/02	HĐ 0073305	22/02	Mua đá cho CT	152	43.252.726	
				133	4.325.273	
				331		47.577.999
			.....			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>35.560.450.900</b>	<b>35.560.450.900</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số đến trang số ..

- Ngày mở sổ : 01/01/2011

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

**Người ghi sổ**

**kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ky, họ tên)

( Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty CP XD TM Việt Khánh)

**Biểu số 2.7: Sổ cái**

Công ty CP XD TM Việt Khánh  
Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT  
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Trích số liệu từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011)

Tên tài khoản : Chi phí NVL trực tiếp

Số hiệu : TK 621

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
31/01	PX20	23/01	Xuất thép cho công trình PX SX Fongho	152	398.200.000	
31/01	PX21	25/01	Xuất cát xây cấp tại công trình	152	7.291.800	
			.....			
31/02	PX35	17/02	Xuất xi măng, thép cho CT	152	956.131.208	
			.....			
31/02	PX40	21/02	Xuất cát bê tông, cát xây	152	15.558.637	
			.....			
31/3	PKT68	31/3	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp để tính giá thành	154		2.800.000.000
			Cộng phát sinh		<b>2800.000.000</b>	<b>2.800.000.000</b>
			Số dư cuối kỳ		-	

- Sổ này có .. trang, đánh số từ trang ... đến trang ....

- Ngày mở sổ: 01/01/2011

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

**Người ghi sổ**

( ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( ký, họ tên)

**Giám đốc**

( ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán Công ty CP XD TM Việt Khánh)

**2.2.4.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:****2.2.4.2.1 Nội dung:**

Chi phí nhân công trực tiếp ở Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh tính vào chi phí giá thành sản phẩm bao gồm: lương chính, tiền ăn ca của công nhân trực tiếp thực hiện thi công công trình. Công ty không trích các khoản quy định theo lương với công nhân trực tiếp vì công nhân đều là công nhân thời vụ hoặc là công trình sẽ giao khoán.

Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh áp dụng hình thức trả lương theo lương khoán sản phẩm và ngày công lao động thực tế.

**2.2.4.2.2 Chứng từ sử dụng:**

Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh thường sử dụng những chứng từ sau:

- Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán BHXH.
- Bảng thanh toán tiền thưởng
- Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành
- Hợp đồng làm khoán.

**2.2.4.2.3 Tài khoản sử dụng:**

Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp. TK 622 không có số dư và cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 154 – Chi phí SXKD dở dang để tập hợp tính giá thành sản phẩm, giá thành công trình.

Tài khoản được kết cấu như sau:

Nợ	TK 622	Có
Chi phí nhân công trực tiếp tham gia hoạt động kinh doanh gồm: tiền lương, tiền công lao động và các khoản trích theo lương theo qui định.	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào các tài khoản liên quan.	

---

*2.2.4.2.4 Phương pháp kế toán:*

Các công nhân chính nhiệm được trực tiếp Giám đốc ký Hợp đồng lao động tùy theo mức độ như: Hợp đồng lao động dưới 03 tháng, hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm, hợp đồng lao động có thời hạn 03 năm, hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Tại các đội thi công xây dựng, các đội trưởng được Giám đốc Công ty uỷ quyền cho việc ký kết các hợp đồng lao động thời vụ, hợp đồng giao khoán.

Tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh, cán bộ quản lý tại văn phòng Công ty và nhân viên quản lý tại các đội xây dựng, các kỹ sư tại công trình được Công ty trả lương theo hình thức lương công nhật. Dựa vào bảng chấm công hàng tháng tính ra lương cho CBCNV.

Kế toán tiền lương tại Công ty tính ra tiền lương cán bộ được nhận như sau:

- Lương tối thiểu công ty áp dụng từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 là 830.000/tháng ( Mức lương tối thiểu của vùng áp dụng theo từng doanh nghiệp).

- Công ty thu 8,5% BHXH, BHYT, BHTN tính trên lương tối thiểu là 830.000đ/tháng (Mức lương tối thiểu chung áp dụng cho cả nước).

- Năng suất lao động định mức tối thiểu áp dụng là: 2.000.000đồng (gọi là Y).  
Tùy từng vị trí, Công ty sẽ áp dụng tính mức năng suất lao động cán bộ được hưởng theo hệ số như sau:

+ Giám đốc =  $Y \times 1,5$ ; phụ cấp trách nhiệm được hưởng 5.000.000 đồng.

+ Phó Giám đốc, Kế toán trưởng =  $Y \times 1,2$ ; phụ cấp trách nhiệm được hưởng 4.000.000 đồng.

+ Trưởng phòng các phòng ban nghiệp vụ được hưởng phụ cấp trách nhiệm là 3.000.000 đồng

+ Phó phòng các phòng ban nghiệp vụ, đội trưởng các đội xây dựng, chỉ huy trưởng các công trình được hưởng phụ cấp trách nhiệm là 2.000.000 đồng

+ Đội phó, chỉ huy phó công trình hưởng phụ cấp trách nhiệm 1.000.000 đồng.

- 
- + Cán bộ có bằng Đại học =  $Y \times 0,6$
  - + Cán bộ có bằng Cao đẳng =  $Y \times 0,5$
  - + Nhân viên có bằng Trung cấp =  $Y \times 0,4$
  - + Công nhân chính nhiệm =  $Y \times 0,3$
  - + Người lao động ký hợp đồng chưa đủ 1 năm làm việc được hưởng 70% mức năng suất được hưởng, trên 1 năm làm việc được hưởng 100% mức năng suất được hưởng.

**Ví dụ:**

Cách tính lương cho công nhân chính nhiệm làm việc tại công trình phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH Fongho KCN Nomura - HP như sau:

Dựa vào bảng chấm công (biểu số 2.8), ông Đồng Đức Nam có số công tháng 01/2011 là 26 công, (Bảng thanh toán tiền lương tại công trình phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH Fongho KCN Nomura – Hải Phòng tháng 01/2011):

- Tiền lương cơ bản =  $2,71 \times 830.000 = 2.249.300$  đồng
- Tiền ăn ca = 200.000 đồng
- Tiền năng suất lao động + phụ cấp trách nhiệm (theo quy định của Công ty)  
 $= 2.000.000 \times 0,3 = 600.000$  đồng
- Tổng thu nhập của ông Đồng Đức Nam tháng 01/2011:  
 $2.249.300 + 200.000 + 600.000 = 3.049.300$  đồng
- Tiền BHXH, BHYT, BHTN ông Đồng Đức Nam phải nộp tháng 01/2011 (làm tròn) =  $2,71 \times 830.000 \times 8,5\% = 191.190$  đồng.
- Tiền lương thực lĩnh của ông Đồng Đức Nam tháng 01/2011:  
 $3.049.300 - 191.190 = 2.858.110$  đồng

**Cụ thể:** Quy trình hạch toán CPNCTT phát sinh ở công trình “phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH Fongho KCN Nomura – Hải Phòng” như sau:

- Hàng ngày đại diện Công ty sẽ theo dõi số lượng công nhân tham gia thi công để ghi vào Bảng chấm công (biểu số 2.8)

**Biểu số 2.8: Bảng chấm công**

Công ty CP XD TM Việt Khánh

CT : Phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH Fongho KCN Nomura HP

**BẢNG CHẤM CÔNG**

*Tháng 01/2011*

TT	Họ và tên	Ngày				Công ngày làm việc	Lễ, Phép	Năng suất	
		1	2	...	31			Đề nghị	Duyệt
1	Nguyễn Văn Biên	L	x	X	x	26	1	A	
2	Vũ quang Phúc	L	X	X	X	26	1	A	
3	Đông Đức Nam	L	X	X	X	26	1	A	
4	Lê Mạnh Hùng	L	X	X	X	26	1	A	
5	Nguyễn Văn Mạnh	L	X	X	X	26	1	A	
6	Nguyễn Duy Khánh	L	X	x	X	26	1	A	
...	.....								

*Ngày 31 tháng 01 năm 2011*

Người chấm công  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký)

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán Công ty CP XD TM Việt Khánh)

Sau đó kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp khối lượng và bảng chấm công để trả lương cho công nhân. Bảng thanh toán tiền lương (biểu số 2.9)



**Biểu số 2.9: Bảng thanh toán lương**

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG**

Tháng 01/2011

**ĐƠN VỊ: Phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH Fongho KCN Nomura HP**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bậc lương	Lương cơ bản		Ăn ca	NSLĐ+ phụ cấp	Phép, lễ, PCCT		Tổng thu nhập	Thu 8,5% BHXH, BHYT, BHTN	Còn lĩnh	Ký nhận
				Công	Số tiền			Công	Số tiền				
A	B		1	2	3	4	5	6	7	8=3+4+5+7	9	10=8-9	
1	Nguyễn Văn Biên	Đội trưởng	2,96	26	2.604.800	200.000	3.200.000		0	6.004.800	183.700	5.821.100	
2	Vũ Quang Phúc	Đội phó	2,96	26	2.604.800	200.000	2.200.000		0	5.004.800	183.700	4.821.100	
3	Đông Đức Nam	CNCN	2,71	26	2.249.300	200.000	600.000		0	3.049.300	191.190	2.858.110	
4	Lê Mạnh Hùng	CNCN	2,31	26	2.032.800	200.000	600.000		0	2.832.800	143.300	2.689.500	
5	Nguyễn Văn Mạnh	CNCN	2,31	26	2.032.800	200.000	600.000		0	2.832.800	143.300	2.689.500	
6	Nguyễn Duy Khánh	CNCN	2,51	26	2.208.800	200.000	600.000		0	3.008.800	155.800	2.853.000	
	.....												
	<b>Tổng cộng</b>				<b>52.400.600</b>	<b>4.400.000</b>	<b>15.800.000</b>		<b>0</b>	<b>72.600.600</b>	<b>4.210.400</b>	<b>68.390.200</b>	

**Biểu 2.10: Trích bảng trích theo lương**

**BẢNG TRÍCH THEO LƯƠNG**

Tháng 01 năm 2011

STT	Bộ phận	Tổng lương	Người sử dụng lao động chịu				Người lao động chịu				Thực lĩnh
			3382 (2%)	3383 (16%)	3384 (3%)	3389 (1%)	3383 (6%)	3384 (1,5%)	3389 (1%)	Tổng cộng	
1	TK 642										
2	TK 622	220.120.000	4.402.400	35.219.200	6.603.600	2.201.200	13.207.200	3.301.800	2.201.200	18.710.200	201.409.800
3	TK 627	86.350.000	1.727.000	13.816.000	2.590.500	863.500	5.181.000	1.295.250	863.500	7.339.750	79.010.250
	<b>Cộng</b>	<b>306.470.000</b>	<b>6.129.400</b>	<b>49.035.200</b>	<b>9.194.100</b>	<b>3.064.700</b>	<b>18.388.200</b>	<b>4.597.050</b>	<b>3.064.700</b>	<b>26.049.950</b>	<b>280.420.050</b>

Người lập biểu  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên)

Khi công trình đi vào thực hiện thi công, các đội trưởng sẽ tiến hành ký hợp đồng giao khoán sản phẩm cho các tổ thi công.

**Biểu số 2.11: Hợp đồng giao khoán kèm phiếu thanh toán**

**Công ty CP XD TM Việt Khánh**

**Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**CT phân xưởng SX Fongho**

***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

*Hải Phòng, ngày 01 tháng 01 năm 2011*

**HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN KIÊM PHIẾU THANH TOÁN**

- 1. Công trình:** phân xưởng SX Fongho                              **Hạng mục:** Nhà xưởng và VP điều hành  
**2. Địa điểm xây dựng:** KCN Nomura – Hải Phòng  
**3. Tổ:** Sắt    **Tổ trưởng:** Đồng Đức Nam  
**4. Phần giao khoán:** .....

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Giao khoán		Đơn giá	Thực hiện		Thành tiền	Chất lượng đạt
			Thời gian	Khối lượng		Thời gian	Khối lượng		
1	- Gia công cốt thép cột tầng 3	Tấn			800.000	01-31/1	51,48	41.184.000	

Ghi chú: thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, kỹ mỹ thuật và an toàn lao động.

Yêu cầu về an toàn lao động: Đảm bảo về công tác ATLĐ

**Đánh giá khối lượng và chất lượng giao khoán-Số tiền được thanh toán là 41.184.000 đồng**

Trên cơ sở chứng từ như bảng chấm công, bảng thanh toán lương, hợp đồng giao khoán để thanh toán tiền lương cho công nhân trực tiếp sản xuất. Kế toán ghi:

Nợ TK 622-CT PX SX Fongho : 220.120.000

Có TK 334 : 220.120.000

Bên cạnh tiền lương phải trả cho công nhân còn bao gồm BHXH, BHYT, KPCĐ và các khoản phụ cấp (nếu có) trích theo tỷ lệ quy định. Kế toán ghi:

Nợ TK 622 : 48.426.400 (220.120.000\*22%)

Có TK 3382 : 4.402.400

Có TK 3383 : 35.219.200

Có TK 3384 : 6.603.600

Có TK 3389 : 2.201.200

Đến cuối quý I, kế toán kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp sang tài khoản TK 154 để tập hợp chi phí tính giá thành công trình. Kế toán ghi:

Nợ TK 154-CT PX SX Fongho : 805.630.200

Có TK 622-CT PX SX Fongh : 805.630.200

**Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty CP XD TM Việt Khánh

Mẫu số 01 – VT

Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải phòng

( Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

( Trích số liệu từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011)

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			N	C
			Số trang trước chuyển sang		.	.
			.....			
31/01	BTTL01	31/01	Tính lương cho CNTT thi công PX SX Fongho	622	220.120.000	
				334		220.120.000
			.....			
31/01	HDGK 23	31/01	Tính lương cho lao động thuê ngoài ( tổ sắt )	622	41.184.000	
				334		41.184.000
			.....			
28/02	HDGK34	28/02	Tính lương cho lao động thuê ngoài (tổ cốp pha)	622	30.840.000	
				334		30.840.000
28/02	HDGK35	28/02	Tính lương cho lao động thuê ngoài (tổ nề)	622	120.956.000	
				334		120.956.000
			.....			
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>35.560.450.900</b>	<b>35.560.450.900</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số đến trang số ..

- Ngày mở sổ : 01/01/2011

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

( ký, họ tên)

( ký, họ tên)

( ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán Công ty CP XD TM Việt Khánh)

**Biểu số 2.13: Sổ cái**

Đơn vị: Công ty CP XD TM Việt Khánh

Mẫu số 01 – VT

Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải phòng

( Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

( Trích số liệu từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011)

Tên tài khoản: Chi phí NCTT

Số hiệu: TK 622

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	C
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
31/01	BTTL 01	31/01	Tính lương cho CNTT thi công CT PXSX Fongho	334	220.120.000	
31/01	HĐGK 23		Tính lương lao động thuê ngoài(tổ sắt)	334	41.184.000	
			.....			
28/02	HĐGK 34		Tính lương lao động thuê ngoài(tổ cốp pha)	334	30.480.000	
28/02	HĐGK 35		Tính lương lao động thuê ngoài(tổ nề)	334	120.956.000	
			.....			
31/03	PKT 69		Kết chuyển chi phí NCTT để tính giá thành	154		805.630.200
			Cộng phát sinh		805.630.200	805.630.200
			Số dư cuối kỳ		-	

- Sổ này có .. trang, đánh số từ trang ... đến trang...

- Ngày mở sổ: 01/01/2011

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

( ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán Công ty CP XD TM Việt Khánh)

#### *2.2.4.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công:*

Khoản mục chi phí sử dụng máy thi công là một khoản mục chi phí riêng chỉ có trong các doanh nghiệp thực hiện xây lắp vì với tính chất công việc là xây dựng công nghiệp dân dụng, khối lượng công việc lớn, các sản phẩm làm ra là các công trình - hạng mục công trình lớn nên không thể sản xuất chỉ dựa trên sức người mà phải có sự hỗ trợ của máy móc, thiết bị,... Vì thế mà trong công tác sản xuất xây lắp việc sử dụng máy thi công là quan trọng và cần thiết để đạt hiệu quả năng suất cao.

Tại Công ty không thành lập một đội máy thi công riêng mà tiến hành xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy.

Chi phí sử dụng máy thi công tại Công ty bao gồm các khoản chi phí khấu hao của xe, máy phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp và khoản chi phí thuê máy thi công từ bên ngoài với công suất lớn hơn nhằm để đảm bảo yêu cầu tiến độ thi công.

Đối với nghiệp vụ thuê ngoài máy thi công thì sau khi thi công xong công trình theo hợp đồng, công ty căn cứ vào hoá đơn GTGT để thanh toán. Đồng thời, kế toán đưa vào TK 623 - chi phí sử dụng máy thi công chi tiết cho công trình- hạng mục công trình. Chẳng hạn, trong tháng 1 công ty tiến hành thuê máy thi công từ bên ngoài để thi công công trình phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH Fongho KCN Nomura - HP, sau khi công việc hoàn thành bên cho thuê đã lập hoá đơn như sau:

**Biểu số 2.14: Trích hoá đơn GTGT**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			GK/2010B		
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 0012709		
Ngày 5 tháng 3 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hùng Thắng.....					
Địa chỉ: 32 Đội Cấn , Hà Nội.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:.....MST 0101833750.....					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: ..... Công ty CP XD TM Việt Khánh.....					
Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng.....					
Số tài khoản: .....					
Hình thức thanh toán:..TM/CK.....MST..... 0200545177.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Thuê máy cẩu	Ca	9	850.000	7.650.000
2	Thuê máy phun cát	Ca	11	156.000	1.716.000
Cộng tiền hàng					9.666.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		966.600	
Tổng cộng tiền thanh toán					10.632.600
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm đồng chẵn.					
<b>Người mua hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)					



**Biểu số 2.15: Trích phiếu chi**

Đơn vị: <b>CTY CP XD TM Việt Khánh</b> Địa chỉ: Số Nam Sơn – An Dương -Hải Phòng	Mẫu số: <b>02- TT</b> Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC			
<b>PHIẾU CHI</b>				
Ngày 5 tháng 3 năm 2011				
	Quyển số:.....			
	Số : PC220			
	Nợ 623			
	Nợ 133			
	Có 111			
Họ tên người nhận tiền: ... Công ty TNHH Hùng Thắng ..... Địa chỉ: 32 Đội Cấn , Hà Nội..... Lý do chi: thanh toán tiền thuê máy thi công phục vụ công trình PXSX thuộc Công ty TNHH Fongho Số tiền: 10.632.600 Viết bằng chữ: Mười triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm đồng chẵn. .... Kèm theo.....01.....chứng từ gốc				
<i>Ngày 5 tháng 3 năm 2011.</i>				
<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận tiền</b>
<i>(ký, đóng dấu)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ ): Mười triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm đồng chẵn..... +Tỷ giá ngoại tệ(vàng,bạc, đá quý)..... +Số tiền quy đổi.....				

Dựa trên hoá đơn, chứng từ này kế toán vào sổ chi tiết TK 623, sổ nhật ký chung và sổ cái TK 623.

*Đối với chi phí khấu hao máy thi công:* Để phản ánh chi phí khấu hao máy thi công Công ty hạch toán trên tài khoản là TK 6234 - chi phí khấu hao máy thi công: Phản ánh lượng chi phí khấu hao máy móc thi công sử dụng vào hoạt động xây lắp.

Hiện nay, tại công ty áp dụng tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, cụ thể công thức tính như sau:

$$\begin{matrix} \text{Mức khấu hao} \\ \text{TSCĐ năm} \end{matrix} = \text{NG TSCĐ} * \begin{matrix} \text{Tỷ lệ khấu} \\ \text{hao năm} \end{matrix}$$

Trong đó:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao năm} = \frac{1}{\text{Số năm sử dụng dự kiến}} * 100\%$$

Mức khấu hao bình quân tháng = Mức khấu hao TSCĐ năm /12.

Căn cứ vào từng loại máy thi công, mức khấu hao của từng máy kế toán tiến hành lập bảng tính KHTSCĐ và phân bổ khấu hao cho từng công trình - hạng mục công trình. Do máy thi công thường được điều chuyển giữa các công trình trong kỳ hạch toán nên công ty đã tiến hành phân bổ chi phí khấu hao MTC cho từng công trình - hạng mục công trình theo số ngày máy làm việc thực tế. Hàng tháng, đội trưởng lập bảng tổng hợp thời gian sử dụng MTC gửi cho phòng kế toán, trên cơ sở đó kế toán lập bảng phân bổ chi phí khấu hao MTC.

$$\begin{array}{l} \text{Mức khấu hao} \\ \text{MTC phân bổ} \\ \text{cho từng CT} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Mức khấu hao MTC cần} \\ \text{phân bổ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số ngày máy làm} \\ \text{việc thực tế} \end{array}} * \begin{array}{l} \text{Số ngày máy} \\ \text{làm việc thực tế} \\ \text{tại CT} \end{array}$$

Chẳng hạn, tính chi phí KH MTC tháng 1 cho máy xúc có nguyên giá là 42.510 000 đ với tỷ lệ khấu hao năm là 9%:

$$\text{Mức KHTSCĐ bq tháng} = (42.510.000 \times 9\%) / 12 = 283.400 \text{ đ/tháng}$$

Kế toán căn cứ trên bảng tổng hợp thời gian sử dụng MTC trong tháng 1 để tiến hành phân bổ. Trong tháng, tổng số ngày máy làm việc thực tế là 14 ngày, số ngày làm việc thực tế tại công trình phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH Fongho khu công nghiệp Nomura – Hải Phòng là 8 ngày, theo đó mức khấu hao MTC phân bổ cho công trình phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH Fongho khu công nghiệp Nomura – Hải Phòng là:

$$\begin{array}{l} \text{Mức KH phân BỔ cho CT PXSX} \\ \text{thuộc công ty TNHH Fongho} \end{array} = \frac{283.400}{14} * 8 = 161.943(\text{đồng})$$

**Biểu số 2.16: Trích Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ**

**Tháng 3 năm 2011**

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ KH (%)	Nơi sử dụng		TK 627 – Chi phí sản xuất chung	TK 623- Chi phí sử dụng MTC	
			Toàn DN			CT PXSX thuộc công ty TNHH Fongho KCN Nomura-HP	...
			Nguyên giá TSCĐ	Số KH tháng này			
1	Máy xúc	9	42.510.000	283.400		161.943	
2	Máy trộn BT	9	4.910.000	36.825			
3	Máy cắt nhôm	10	99.466.464	828.887		497.332	
4	Nhà xưởng	5	502.431.767	2.093.466	2.093.466		
5	Máy phát điện	10	28.560.000	238.000	238.000		
6	Xe ô tô	13	111.456.880	1.207.450	.....		
.....	.....		.....	.....	.....	.....	.....
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3.810.359.000</b>	<b>38.112.653</b>	<b>5.210.336</b>	<b>10.139.156</b>	<b>...</b>

Tổng số tiền(viết bằng chữ):.....

Ngày 31 tháng 1 năm 2011

<p><b>Người lập biểu</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)</p>	<p><b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên)</p>
---	---	---

Số liệu được ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK 623, sổ cái TK 623.

**Biểu số 2.17: Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: **CTY CP XD TM Việt Khánh**  
 Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương -Hải Phòng

Mẫu số: **S03a - DN**  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

(Trích số liệu từ 01/01/2011 đến 31/01/2011)

N,T ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
.....		...	.....	.....	.....	.....
31/3	PC 220	05/03	Thanh toán tiền thuê MTC dùng cho CT PX SX Fongho KCN Nomura-HP	623 133 111	9.666.000 966.600	10.632.600
.....		...	.....	.....	.....	.....
31/3	PKT 319	31/3	Trích KH MTC tháng 3/2011 CT PX SX Fongho KCN Nomura-HP	6234 214	10.139.156	10.139.156
.....		...	.....	.....	.....	.....
31/3	PKT 366	31/3	K/c Cp KH MTC Quý I CT PX SX Fongho KCN Nomura-HP	154 623	29.157.668	29.157.668
.....		...	.....	.....	.....	.....
31/3	PKT 371	31/3	K/c GV CT PX SX Fongho KCN Nomura-HP	632 154	1.501.466.094	
.....		...	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng lũy kế</b>		<b>35.560.450.900</b>	<b>35.560.450.900</b>

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 03 năm 2011  
 Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.18: Trích Sổ chi tiết TK623 – CT PXSX Fongho KCN Nomura-HP**

Đơn vị: CTY CP XD TM Việt Khánh  
Địa chỉ: Nam sơn – An Dương -Hải Phòng

Mẫu số: S36 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ  
BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

Tài khoản: 623

Tên sản phẩm, dịch vụ: Công trình PXSX Fongho KCN  
Nomura HP

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			
PKT150	31/1	Phân bổ khấu hao MTC T1	214	9.509.256	
PKT188	14/2	Thuê máy thi công	111	4.830.602	
BPBKHT2	30/2	Phân bổ khấu hao MTC T2	214	9.509.256	
PC220	5/3	Thuê máy thi công	111	9.666.000	
BPBKHT3	31/3	Phân bổ khấu hao MTC T3	214	10.139.156	
PKT366	31/3	K/c CP Khấu hao MTC	154		29.157.668
PKT368	31/3	K/c Cp thuê máy thi công	154		14.496.602
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>43.654.270</b>	<b>43.654.270</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm....  
Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.19: Trích Sổ cái TK 623**

Đơn vị: <b>CTY CP XD TM Việt Khánh</b> Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương -Hải Phòng		Mẫu số: <b>S03b - DN</b> Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC			
<b>SỔ CÁI</b> (Trích số liệu từ 01/01/2011 đến 31/01/2011)					
<b>Tên tài khoản : Chi phí sử dụng máy thi công</b> <b>Số hiệu : 623</b>					
Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<b>Số dợt đầu kỳ</b>			
	...	...	...	...	...
PC220	5/3	Thuê máy thi công	111	9.666.000	
BPBKH T3	31/3	CP khấu hao MTC tháng 3 CT PX SX Fongho KCN Nomura HP	214	10.139.156	
	...	...	...	...	...
PKT 366	31/3	K/c Cp khấu hao MTC CT PX SX Fongho KCN Nomura HP	154		29.157.668
PKT368	31/3	K/c Cp thuê MTC CT PX SX Fongho KCN Nomura HP	154		14.496.602
		....			.....
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>414.651.563</b>	<b>414.651.563</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			
Người ghi sổ (ký, họ tên)		Kế toán trưởng (ký, họ tên)		Ngày 31.tháng 03.năm 2011 <b>Giám đốc</b> (ký, họ tên, đóng dấu)	

**2.2.4.4 Kế toán chi phí sản xuất chung:**

**2.2.4.4.1 Nội dung:**

Trong doanh nghiệp xây lắp, để phản ánh chi phí quản lý phục vụ ở các đội xây dựng như: tiền lương nhân viên quản lý đội, kỹ thuật hiện trường, bảo vệ hiện trường, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ được trích theo tỷ lệ quy định của Nhà nước, chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm ..., khấu hao nhà xưởng của đội xây dựng trực tiếp làm việc đều được phản ánh vào TK 627. Chi phí sản xuất chung cuối kỳ được phân bổ cho các công trình có liên quan bằng tiêu thức phù hợp.

**2.2.4.4.2 Chứng từ sử dụng:**

- Bảng lương và các khoản trích theo lương, các khoản phụ cấp.
- Phiếu xuất vật tư, phiếu chi tiền mặt, giấy báo nợ ngân hàng, hoá đơn.
- Bảng trích khấu hao TSCĐ.

**2.2.4.4.3 Tài khoản sử dụng:**

Để hạch toán chi phí sản xuất chung, Công ty sử dụng TK 627 – Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này không có số dư. Cuối kỳ, toàn bộ chi phí phát sinh cũng được kết chuyển sang TK 154 – Chi phí SXKD dở dang để tập hợp tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Tài khoản được kết cấu như sau:

Nợ	TK 627	Có
- Các khoản chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ như : Chi phí cho nhân viên PX, CCDC, khấu hao TSCĐ thuộc phân xưởng...	- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung. - Kết chuyển chi phí sản xuất chung vào tài khoản liên quan.	

**2.2.4.4.4 Phương pháp kế toán:**

\* *Chi phí nhân viên quản lý:* bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương, các khoản phụ cấp.

Cuối tháng căn cứ vào bảng chấm công gửi về phòng CKT, kế toán lập bảng thanh toán lương và kế toán ghi:

Nợ TK 6271 : 85.000.000

Có TK 334 : 85.000.000

Bên cạnh lương phải trả, cán bộ nhân viên quản lý đội được hưởng BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo tỷ lệ quy định trích theo lương (trong biên chế của Công ty). Kế toán ghi:

Nợ TK 6271 : 85.000.000 x 22% = 18.700.000

Có TK 338.2 : 85.000.000 x 2% = 1.700.000

Có TK 338.3 : 85.000.000 x 16% = 13.600.000

Có TK 338.4 : 85.000.000 x 3% = 2.550.000

Có TK 338.9 : 85.000.000 x 1% = 850.000

Đối với BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN được tính theo quý và lập trên bảng phân bổ tiền lương và BHXH mẫu số 10/BPB của Nhà nước quy định.

\* *Chi phí NVL*: căn cứ phiếu xuất kho, hoá đơn, kế toán lập bảng kê xuất NVL. CCDC để vào bảng phân bổ vật liệu. Kế toán ghi:

Nợ TK 6272 : 2.500.000

Có TK 152 : 2.000.000

Có TK 153 : 500.000

\* *Khấu hao TSCĐ*:

Hàng quý, kế toán căn cứ vào tỷ lệ trích khấu hao TSCĐ:

Nguyên giá TSCĐ x Tỷ lệ trích khấu hao

Mức khấu hao tháng = \_\_\_\_\_

12 tháng

Tỷ lệ trích khấu hao được quy định như sau:

- Máy móc thiết bị: khấu hao bình quân từ 6 – 8 năm (16,6%)
- Nhà cửa, vật kiến trúc: khấu hao bình quân từ 10 – 20 năm (6,6%)
- Thiết bị dụng cụ quản lý: khấu hao bình quân từ 3 – 5 năm (25%)



Cụ thể ta có nguyên giá TSCĐ thuộc nhóm nhà cửa vật kiến trúc, dùng cho văn phòng đội (trích theo năm):

$$66.450.000 \times 6,6\% = 4.385.000$$

Cuối tháng, căn cứ vào sổ trích khấu hao TSCĐ, kế toán lập bảng kê và ghi như sau:

Nợ TK 6274	: 4.385.000
Có TK 214	: 4.385.000

*\* Chi phí dịch vụ mua ngoài:*

Chi phí dịch vụ mua ngoài được tính vào chi phí sản xuất chung là các khoản như: tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại để phục vụ cho văn phòng đội. Các khoản chi phí này được thanh toán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng. Khi phát sinh các chi phí thì tổ/đội trưởng sẽ tập hợp các hoá đơn - chứng từ kèm theo và viết giấy đề nghị thanh toán hoặc hoàn tạm ứng cho ban Giám đốc. Sau khi được ký duyệt thì chuyển sang phòng kế toán để được hoàn ứng hoặc thanh toán trên cơ sở các hoá đơn chứng từ do tổ/đội trưởng mang tới.

Căn cứ vào chứng từ có liên quan, kế toán ghi:

Nợ TK 6277	: Chi phí dịch vụ mua ngoài
Nợ TK 133	: Thuế GTGT được khấu trừ
Có TK 111, 112	: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
Có TK 331	: Phải trả người bán

**Biểu số 20: Trích bản tổng hợp chi phí dịch vụ mua ngoài Quý IV**

Đơn vị: công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Việt Khánh

Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ DỊCH VỤ MUA NGOÀI**

**Quý I năm 2011**

*Đvt: đồng*

Ngày	Tên hàng hoá, dịch vụ	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	...				
16/1	Trả tiền điện thoại	812.530	81.253	893.783	
...	...	...	...	...	
12/2	Mua dầu cho MTC	1.567.890	156.789	1.724.679	
...	...	...	...	...	
5/3	<i>Trả tiền điện</i>	<i>2.540.000</i>	<i>254.000</i>	<i>2.794.000</i>	
5/3	Vận chuyển vật tư	211.564	0	211.564	
	...				
	<b>Cộng</b>	<b>75.290.345</b>	<b>6.144.954</b>	<b>81.435.299</b>	

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

**Người lập biểu**

*(Ký, họ tên)*

\* *Chi phí bằng tiền khác:*

Chi phí bằng tiền khác ở văn phòng đội được tính vào chi phí sản xuất chung bao gồm: tiền công tác phí, tiền tiếp khách, chi phí lều trại, chi phí xăng xe, chi phí thuê nhà ... Cuối tháng, căn cứ vào các chứng từ có liên quan như phiếu chi, hoá đơn, các tờ kê về tiền lãi vay ngân hàng được hạch toán như sau:

Nợ TK 6278 : Chi phí bằng tiền khác

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112 : Tiền mặt, TGNH

Có TK 331 : Phải trả người bán

Khoản chi phí này hạch toán trên TK 6278 - chi phí khác bằng tiền và được hạch toán tương tự như chi phí dịch vụ mua ngoài. Kế toán lập bảng tổng hợp chi phí khác bằng tiền như sau:

**Biểu số 21: Trích bản tổng hợp chi phí bằng tiền khác Quý IV**

Đơn vị: Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại Việt Khánh

Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ DỊCH VỤ MUA NGOÀI**

**Quý I năm 2011**

*Dvt: đồng*

Ngày	Tên hàng hoá, dịch vụ	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	...				
25/10	Mua chè tiếp khách	125 000	0	125 000	
...	...	...	...	...	
29/12	Mua xăng cho máy	168 000	16 800	184 800	
	...				
	<b>Cộng</b>	<b>13 672 568</b>	<b>852 568</b>	<b>14 525 136</b>	

*Ngày 31 tháng 3 năm 2011*

**Người lập biểu**

*(Ký, họ tên)*

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển sang TK 154 để tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm:

Nợ TK 154-CT PX SX Fongho : 205.650.000

Có TK 627-CT PX SX Fongho : 205.650.000

Căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký Chung, Sổ Cái TK 627.

**Biểu số 2.22: Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty CP XD TM Việt Khánh

Mẫu số :S03a - DN

Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải phòng

( Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

( Trích số liệu từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011)

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		....	....
			.....			
31/03	PC35	31/03	Chi phí dịch vụ mua ngoài	627	75.290.345	
				133	6.144.954	
				111		81.425.299
			.....			
31/03	BTTL	31/03	Tính lương cho nhân viên quản lý đội	627	85.000.000	
				334		85.000.000
31/03	BTTL	31/03	Các khoản trích theo lương theo tỉ lệ quy định	627	18.700.000	
				338		18.700.000
			.....			
31/03	PX53	31/03	Xuất NVL, CCDC cho đội xây lắp	627	2.500.000	
				152		2.000.000
				153		500.000
31/03	BPBKH	31/03	Trích khấu hao TSCĐ	627	4.385.000	
				214		4.385.000
			.....			
			Cộng phát sinh		<b>35.560.450.900</b>	<b>35.560.450.900</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số....đến trang số ...

- Ngày mở sổ : 01/01/2011

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty CP XD TM Việt Khánh)

**Biểu số 2.23: Sổ cái**

Đơn vị: Công ty CP XD TM Việt Khánh  
Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải phòng

Mẫu số :S03a - DN  
( Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

( Trích số liệu từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011)

Tên tài khoản: Chi phí SXC

Số hiệu: TK 627

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
15/03	PC35	15/03	Chi phí dịch vụ mua ngoài	111	75.290.345	
			.....			
31/03	BTTL	31/03	Tính lương cho nviên quản lý đội	334	85.000.000	
31/03	BTTL	31/03	Trích theo lương	338	18.700.000	
31/03	PX53	31/03	Xuất NVL, CCDC cho đội xây lắp	152	2.000.000	
				153	500.000	
31/03	BPBKH	31/03	Trích khấu hao TSCĐ	214	4.385.000	
			.....			
31/03	PKT69	31/03	Kết chuyển chi phí MTC để tính giá thành	154		205.650.000
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>205.650.000</b>	<b>205.650.000</b>
			Số dư cuối kỳ		-	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số đến trang số ..

- Ngày mở sổ : 01/01/2011

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty CP XD TM Việt Khánh)

**2.2.5 Kế toán tập hợp chi phí xây lắp tại Công ty:****2.2.5.1 Nội dung:**

Quá trình tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm thực chất là vấn đề tính giá thành hàng tồn kho. Do vậy, về mặt kế toán quá trình này có thể được tiếp cận theo hai phương pháp: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ. Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

\* Một số tài khoản Công ty sử dụng chủ yếu:

- TK 154 – Chi phí SXKD dở dang. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị dở dang, vừa tập hợp các khoản chi phí để tính giá thành sản xuất sản phẩm.

- TK 632 – Giá vốn hàng bán. Tài khoản này được sử dụng để phản ánh trị giá vốn thực tế của thành phẩm đã tiêu thụ trong kỳ.

**2.2.5.2 Kế toán tập hợp chi phí xây lắp:**

Định kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cần phải được tổng hợp và báo cáo về Phòng Kế toán theo các khoản mục chi phí. Để có căn cứ tổng hợp lập báo cáo hàng kỳ hạch toán, kế toán phải căn cứ vào số liệu về chi phí SXKD phát sinh đã tập hợp được theo khoản mục, điều khoản chi phí trên các tài khoản tập hợp chi phí SXKD trong sổ kế toán và các tài liệu chi tiết có liên quan để tổng hợp theo từng yếu tố chi phí quy định.

Định kỳ, cuối quý, khi đã có đầy đủ chứng từ liên quan, kế toán Công ty thực hiện các bút toán kết chuyển các khoản mục chi phí đã tập hợp được sang TK 154 để tính giá thành xây lắp công trình phân xưởng sản xuất thuộc công ty TNHH Fongho KCN Nomura – Hải Phòng. Kế toán ghi:

Nợ TK 154-CT PXSX Fongho	: 4.225.881.763
Có TK 621-CT PXSX Fongho	: 2.800.000.000
Có TK 622- CT PXSX Fongho	: 805.630.200
Có TK 623- CT PXSX Fongho	: 414.651.563
Có TK 627- CT PXSX Fongho	: 205.600.000

Kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung, sau đó từ sổ NKC vào sổ cái TK 154

**Biểu số 2.24: Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty CP XD TM Việt Khánh  
 Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải phòng

Mẫu số :S03a - DN  
 ( Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

( Trích số liệu từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011)

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	S H TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		...	...
			.....			
31/03	PKT68	31/03	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp để tính giá thành CT PXSX thuộc công ty TNHH Fongho	154	2.800.000.000	
				621		2.800.000.000
31/03	PKT69	31/03	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp để tính giá thành CT PXSX thuộc công ty TNHH Fongho	154	805.630.200	
				622		805.630.200
31/03	PKT70	31/03	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp để tính giá thành CT PXSX thuộc công ty TNHH Fongho	154	414.651.563	
				623		414.651.563
31/03	PKT71	31/03	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp để tính giá thành CT PXSX thuộc công ty TNHH Fongho	154	205.600.000	
				627		205.600.000
			.....			
			Cộng phát sinh		<b>35.560.450.900</b>	<b>35.560.450.900</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số đến trang số ..

- Ngày mở sổ : 01/01/2011

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty CP XD TM Việt Khánh)

**Biểu số 2.25: Sổ cái**

**Đơn vị: Công ty CP XD TM Việt Khánh**  
**Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải phòng**

**Mẫu số :S03a - DN**  
**( Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC**  
**Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**SỔ CÁI**

*( Trích số liệu từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011)*

*Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang*

*Số hiệu: TK 154*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
31/03	PKT68	31/03	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp để tính giá thành CT	621	2.800.000.000	
31/03	PKT69	31/03	Kết chuyển chi phí NC trực tiếp để tính giá thành CT	622	805.630.200	
31/03	PKT70	31/03	Kết chuyển chi phí MTC để tính giá thành CT	623	414.651.563	
31/03	PKT71	31/03	Kết chuyển chi phí SXC trực tiếp để tính giá thành CT	627	205.600.000	
			.....			
31/03	PKT72	31/03	Kết chuyển tính giá vốn công trình	632		4.225.881.763
			Cộng phát sinh		4.225.881.763	4.225.881.763
			Số dư cuối kỳ		-	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số đến trang số ..

- Ngày mở sổ : 01/01/2011

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

*(ký, họ tên)*

*(ký, họ tên)*

*(ký, họ tên)*

( Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty CP XD TM Việt Khánh)



## **2.3. Thực trạng hạch toán kế toán tính giá thành xây lắp tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh :**

### **2.3.1 Khái niệm và phân loại giá thành xây lắp:**

#### **2.3.1.1 Khái niệm:**

Do đặc điểm riêng của ngành, sản phẩm xây lắp được đo bằng khối lượng hoàn thành từng hạng mục công trình, công trình vì vậy có sản phẩm dở dang nên giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa và các khoản chi khác được tính cho toàn bộ hạng mục công trình, công trình hoàn thành trong kỳ.

Giá thành sản phẩm xây lắp là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng công tác quản lý, giúp xác định được hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực trong doanh nghiệp và đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp tổ chức quản lý, khoa học kỹ thuật mà doanh nghiệp sử dụng trong quá trình hoàn thành các hạng mục công trình, công trình của mình.

#### **2.3.1.2 Phân loại:**

Để đáp ứng những yêu cầu quản lý, hạch toán kế toán và kế hoạch giá thành cũng như yêu cầu xây dựng về giá cả của hàng hoá; căn cứ vào cơ sở dữ liệu và thời điểm tính giá thành, Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh phân loại giá thành như sau:

\* Giá thành dự toán (Zdt): là tổng số các chi phí dự toán để hoàn thành được khối lượng xây lắp. Giá dự toán được xác định trên cơ sở xác định theo thiết kế được duyệt và khung giá được quy định tại đơn giá xây dựng cơ bản áp dụng từng vùng, từng địa phương do cấp có thẩm quyền ban hành.

$$Zdt = \text{Giá trị dự toán} - \text{Lợi nhuận định mức}$$

- Giá trị dự toán: là chi phí cho công tác xây dựng lắp ráp các cấu kiện, lắp đặt các máy móc thiết bị.

- Lợi nhuận định mức: là chỉ tiêu của Nhà nước quy định để tích lũy cho xã hội do ngành xây dựng sáng tạo ra.

\* Giá thành thực tế: là phản ánh toàn bộ chi phí thực tế để hoàn thành

bàn giao khối lượng xây lắp mà doanh nghiệp đã nhận thầu. Giá thành thực tế bao gồm cả chi phí theo định mức như: các khoản thiệt hại trong sản xuất, các khoản chi phí vượt định mức, lãng phí vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất và quản lý của doanh nghiệp. Giá thành thực tế được xác định theo số liệu kế toán vào cuối thời kỳ kinh doanh.

Việc so sánh giữa giá thành thực tế và giá thành dự toán giúp Công ty quản lý được giá thành của từng công trình, hạng mục công trình để từ đó có thể đưa ra những quyết định đúng đắn trong việc điều chỉnh hạ giá thành sản phẩm cho phù hợp.

\* Ngoài ra, tại Phòng Đấu thầu và quản lý dự án của Công ty có sử dụng hai chỉ tiêu giá thành:

- Giá đấu thầu xây lắp (giá thành dự thầu công tác xây lắp): là một loại giá thành dự toán xây lắp do chủ đầu tư đưa ra để các doanh nghiệp căn cứ vào đó mà xây dựng giá thành của mình. Giá thành này giúp chủ đầu tư tiết kiệm được vốn đầu tư của mình.

- Giá hợp đồng công tác xây lắp: là giá thành dự toán xây lắp trong hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và đơn vị xây lắp sau khi thoả thuận giao thầu. Đây cũng chính là giá thành của doanh nghiệp xây lắp thắng trong cuộc đấu thầu và được chủ đầu tư thoả thuận ký hợp đồng giao thầu.

### **2.3.2 Đối tượng và kỳ tính giá thành:**

Căn cứ vào quy trình đặc điểm công nghệ là thực hiện thi công các công trình cơ bản, quá trình sản xuất là quá trình có sản phẩm dở dang nên đối tượng tính giá thành của Công ty là từng công trình, từng hạng mục công trình. Đơn vị tính giá thành sản phẩm là khối lượng hoàn thành các công trình, hạng mục công trình.

Thời gian mà kế toán tính giá thành là từ khi công trình được ký kết hợp đồng xây lắp đến khi công trình thực hiện thi công và đến kết thúc công trình khi hoàn thành nghiệm thu, bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng.

**2.3.3 Đánh giá sản phẩm dở dang:**

Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán xác định phần chi phí sản xuất trong kỳ mà khối lượng sản phẩm dở dang phải chịu. Việc đánh giá sản phẩm dở dang muốn chính xác phải kiểm kê khối lượng cụ thể thực hiện kỳ báo cáo.

Công ty đánh giá sản phẩm dở dang áp dụng theo phương pháp chi phí phát sinh trực tiếp. Giá trị sản phẩm dở dang xây lắp cuối kỳ là tổng chi phí trực tiếp phát sinh từ lúc khởi công đến cuối kỳ báo cáo.

**2.3.4 Phương pháp tính giá thành:**

Vì đối tượng kế toán tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành mà Công ty xác định phù hợp với nhau đều là từng công trình, từng hạng mục công trình nên phương pháp tính giá thành mà Công ty lựa chọn là phương pháp giản đơn.

Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm xây lắp được tính toán trên cơ sở tập hợp các chi phí xây lắp phát sinh trong kỳ.

Công thức tính:

***Giá thành sản phẩm xây lắp = Tổng chi phí xây lắp phát sinh trong kỳ***

Sau khi có sản phẩm hoàn thành và xác định được giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ, vì sản phẩm xây lắp là nhà cửa, đường xá, cầu cống ... nên không có quá trình nhập kho mà kế toán chuyển thẳng vào giá vốn của công trình. Kế toán ghi:

Nợ TK 632-CT PX SX Fongho : 4.225.881.763

Có TK 154-CT PX SX Fongho: 4.225.881.763

Kế toán tiến hành lập bảng tính giá thành (biểu số 2.26), Phiếu kế toán ( biểu số 2.27)

**Biểu số 2.26: Bảng tính giá thành sản phẩm, dịch vụ theo khoản mục chi phí**

Tên sản phẩm : Công trình PX SX Fongho KCN Nomura – Hải Phòng

Khoản mục Chi phí	GTSP dở dang đầu kỳ	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	GTSP dở dang cuối kỳ	Tổng giá thành
1. CP NVLTT	-	2.800.000.000	-	2.800.000.000
2. CP NCTT	-	805.630.200	-	805.630.200
3. CP MTC		414.651.563		414.651.563
4. CP SXC	-	205.600.000	-	205.600.000
Tổng		4.225.881.763		4.225.881.763

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty CP XD TM Việt Khánh)

**Biểu số 2.27: Phiếu kế toán**

Công ty CP XD TM Việt Khánh Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng					
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b>					
Ngày 31/03/2011					
SỐ: 72					
STT	Nội dung	Tài khoản		Đối ứng	
		Nợ	Có	Nợ	Có
1	Xác định giá vốn công trình PXSX của công ty TNHH Fongho KCN Nomura- HP	632	154	4.225.881.763	4.225.881.763
	.....				
Ngày 31 tháng 03 năm 2011 Người lập (ký, họ tên)					

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty CP XD TM Việt Khánh)

Căn cứ vào chứng từ gốc như phiếu kê toán kê toán tiến hành vào sổ nhật ký chung, từ sổ NKC vào sổ cái TK 632.

**Biểu số 2.28: Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty CP XD TM Việt Khánh

Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải phòng

Mẫu số :S03a - DN

( Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

( Trích số liệu từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011)

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		....	....
			.....			
31/03	PKT72	31/03	Kết chuyển tính giá vốn công trình	632	4.225.881.763	
				154		4.225.881.763
31/03	PKT73	31/03	Kết chuyển xác định lãi, lỗ của công trình	911	4.225.881.763	
				632		4.225.881.763
			.....			
			Cộng phát sinh		<b>35.560.450.900</b>	<b>35.560.450.900</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số đến trang số ..

- Ngày mở sổ : 01/01/2011

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kê toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty CP XD TM Việt Khánh)

**Biểu số 2.29: Sổ cái**

Đơn vị: Công ty CP XD TM Việt Khánh  
Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải phòng

Mẫu số :S03b - DN  
( Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ – BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Công trình: PX SX Fongho KCN Nomura - HP**  
( Trích số liệu từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011)  
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán  
Số hiệu: TK 632

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....			
31/03	PKT72	31/03	Kết chuyển tính giá vốn công trình	154	4.225.881.763	
31/03	PKT73	31/03	Kết chuyển xác định lãi, lỗ của công trình	911		4.225.881.763
			.....			
			Cộng phát sinh		4.225.881.763	4.225.881.763
			Số dư cuối kỳ		-	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số đến trang số ..

- Ngày mở sổ : 01/01/2011

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán công ty CP XD TM Việt Khánh)

### **CHƯƠNG III**

## **PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VIỆT KHÁNH.**

### **3.1 Những ưu, nhược điểm của Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh**

Thời gian thực tập tìm hiểu về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh đã mang đến cho em một số nhìn nhận sơ bộ, một số đánh giá chung về tổ chức hoạt động, tổ chức hạch toán tại công ty như sau:

#### ***3.1.1. Những thành tựu đã đạt được***

Trong gần mười năm trưởng thành và phát triển cùng với các ngành xây lắp khác ở trong nước công ty đã không ngừng cố gắng, phấn đấu, vượt qua những khó khăn thử thách do cơ chế thị trường cũng như sức cạnh tranh của các doanh nghiệp khác. Dưới sự điều hành của ban Giám đốc cùng sự cố gắng nỗ lực của toàn bộ cán bộ - công nhân viên trong công ty, đến nay công ty đã dần khẳng định được chỗ đứng của mình trên thị trường và làm ăn ngày càng có hiệu quả. Các công trình - hạng mục công trình mà công ty đã và đang thi công đều được các chủ đầu tư - khách hàng đánh giá khá cao về chất lượng, tiến độ thi công cũng như giá thành hợp lý. Có một vấn đề vô cùng quan trọng mà không ai có thể không nhắc tới khi đề cập đến sự phát triển của công ty đó là mức sống của công nhân viên trong công ty ngày càng được đảm bảo cả về vật chất lẫn tinh thần. Điều đó đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo năng suất làm việc của công nhân viên, có thu nhập cao đảm bảo nhu cầu chi tiêu là động lực khiến cho người lao động hăng say làm việc, có tình thần, có trách nhiệm với công việc được giao. Trên đà phát triển đó, hiện tại và trong tương lai công ty sẽ không ngừng mở rộng thị trường thu hút các nhà đầu tư - các chủ thầu xây dựng ký kết

thêm nhiều hợp đồng xây lắp.

Có được những thành tựu to lớn như vậy là do các nhân tố chính sau :

#### *3.1.1.1. Về tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất*

- Bộ máy quản lý (Ban Giám đốc) của công ty gồm những nhà quản lý có khả năng lãnh đạo, năng động, có tinh thần dám nghĩ, dám làm, luôn có những sáng kiến giải pháp phù hợp, giải quyết nhanh chóng những sự cố xảy ra và kịp thời đưa ra những chỉ thị, chỉ đạo cho cấp dưới thực hiện.

- Công ty xây dựng được mô hình tổ chức quản lý gọn nhẹ, khoa học. Được chia thành các phòng ban riêng, mỗi phòng ban lại có nhiệm vụ chức năng cụ thể, tuy nhiên chúng hoạt động không tách rời mà luôn hỗ trợ, phối hợp cho nhau tạo nên một sự hoạt động thống nhất trong tổ chức quản lý.

- Đội ngũ công nhân viên tại các phòng ban đều có trình độ đại học, cao đẳng nên có chuyên môn cao, các công nhân sản xuất là những người có kinh nghiệm lâu năm do đó mà đảm bảo được chất lượng công việc được giao cũng như ý thức trách nhiệm làm việc.

#### *3.1.1.2. Về tổ chức hạch toán hạch toán kế toán*

##### ***- Về cơ cấu bộ máy kế toán:***

Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh đã xây dựng bộ máy kế toán theo mô hình tập trung rất phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô sản xuất của công ty. Công ty đã bố trí, phân công cụ thể cho từng phần hành kế toán một cách khoa học đảm bảo sự hoạt động giữa các bộ phận không chồng chéo. Mặc dù một cán bộ kế toán có thể kiêm một số phần hành kế toán, điều đó chỉ nhằm mục đích là làm giảm nhẹ quy mô tổ chức bộ máy kế toán mà không hề ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của hệ thống kế toán. Các nhân viên kế toán đều là người có kinh nghiệm, trình độ và nhiệt tình, trung thực trong công tác kế toán, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của mình. Đồng thời, cung cấp các thông tin kế toán một cách chính xác, kịp thời cho nhu cầu quản lý và tham mưu cho Giám đốc trên một số mặt trong công tác quản lý. Điều đó thực sự có ý nghĩa cho Ban quản lý trong việc ra quyết định kinh doanh.



***- Về chế độ, chính sách, phương thức hạch toán kế toán:***

Công ty luôn chấp hành các chính sách và chế độ tài chính của Nhà nước. Với đặc điểm ngành nghề kinh doanh và quy mô sản xuất, Công ty đã lựa chọn hình thức ghi sổ “Nhật ký chung” là rất phù hợp và áp dụng hình thức máy tính vào công tác kế toán làm giảm nhẹ công tác kế toán, giúp cho việc ghi chép số liệu trên sổ sách chính xác, đầy đủ. Điều đó tạo rất nhiều thuận lợi cho công tác tính giá thành một cách chính xác.

***- Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán:***

Công ty tổ chức hệ thống chứng từ ban đầu một cách hợp pháp, hợp lý và hợp lệ đầy đủ theo đúng mẫu quy định của Bộ Tài chính. nhằm đảm bảo cho công tác quản lý chặt chẽ tránh gian lận. Ngoài ra, công ty còn sử dụng một số chứng từ nội bộ theo quy định riêng của công ty nhờ đó giúp cho công ty kiểm soát tốt các khoản chi phí phát sinh.

***- Về tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản:***

Để phù hợp với đặc điểm ngành nghề của công ty thì một mặt công ty vẫn áp dụng hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành để đảm bảo tính thống nhất trong công tác hạch toán kế toán, dễ dàng trao đổi thông tin với doanh nghiệp bên ngoài, mặt khác công ty không sử dụng một số tài khoản như TK157, TK 641,... Đồng thời, các tài khoản được mở chi tiết theo yêu cầu quản lý của công ty để thuận lợi cho công tác hạch toán kế toán và tiện theo dõi.

***- Về hệ thống báo cáo kế toán:***

Công ty đã lập đầy đủ hệ thống báo cáo kế toán bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính và nộp cho Nhà nước theo đúng thời gian quy định.

***3.1.1.3. Về công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm***

Công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty được thực hiện một cách logic, khoa học với việc đánh giá đúng tầm quan trọng của phần hành kế toán này Công ty đã lựa chọn đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành là các công trình - hạng mục công trình, đồng thời lựa chọn phương pháp

hạch toán là hoàn toàn phù hợp với đối tượng hạch toán chi phí và tính giá thành. Mọi chi phí phát sinh đều được tập hợp theo từng khoản mục và theo từng công trình - hạng mục công trình tạo điều kiện cho công tác đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm được chính xác.

**- Về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:**

Vật tư mua về được chuyển thẳng ra chân công trình xây dựng hoặc chuyển về kho của Công ty là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm của ngành sản xuất xây lắp. Với nhu cầu sử dụng vật tư đã được lập trên dự toán sẽ giúp Công ty chủ động hơn trong việc thi công liên tục, đáp ứng đúng tiến độ thi công công trình. Chất lượng của vật tư phần lớn được đảm bảo, nên chất lượng công trình cũng được nâng cao. Các chứng từ được lập theo đúng chế độ kế toán hiện hành và việc lập các sổ chi tiết nguyên vật liệu giúp Công ty có thể theo dõi tình hình sử dụng nguyên vật liệu và có được sự so sánh giá trị nguyên vật liệu giữa các công trình - hạng mục công trình với nhau.

**- Về chi phí nhân công trực tiếp:**

Kế toán xác định tiền lương tổng hợp của công nhân viên dựa trên bảng chấm công có xác nhận của đội/ tổ trưởng nên việc tính và hạch toán lương được thực hiện một cách chính xác.

**- Về chi phí sản xuất chung:**

Chi phí sản xuất chung được hạch toán trên tài khoản 627 và được mở chi tiết thành 5 tài khoản cấp 2 tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp và công tác quản lý. Chi phí SXC được tập hợp và phân bổ cho từng công trình - hạng mục công trình theo tiêu thức phân bổ là chi phí NVLTT là hợp lý, đảm bảo tính chính xác của hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

**- Về sổ sách chi tiết:** Nhìn chung Công ty mở khá đầy đủ các sổ chi tiết, hữu ích rất nhiều cho công tác theo dõi các khoản chi phí phát sinh và cung cấp thông tin kế toán ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ.

### **3.1.2. Những mặt còn tồn tại**

Với đặc điểm hoạt động xây lắp là một lĩnh vực hoạt động tương đối

phức tạp nên mặc dù với những thành tựu đã đạt được như đã trình bày ở trên, công tác hạch toán chi phí và tính giá thành đã thực hiện tốt chức năng của mình. Tuy nhiên, quá trình hạch toán vẫn không tránh khỏi những hạn chế tồn tại những điểm chưa hợp lý cần khắc phục để công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thiện hơn.

**- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp::**

Khi có nhu cầu về vật tư, công ty đã giao cho nhân viên của công ty hoặc giao trực tiếp cho đội thi công sản xuất để tự mua vật tư theo như dự toán đã được cung cấp. Tuy nhiên, khoản chi phí thu mua cũng là đáng kể nếu như các công trình thi công ở cách xa và khoản này dễ bị khai khống nhằm thu được lời riêng, làm cho chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tăng.

**- Chi phí nhân công trực tiếp:**

Chi phí nhân công trực tiếp của công ty ngoài khoản phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất còn bao gồm cả chi phí của nhân viên vận hành - sử dụng máy thi công mà đúng ra khoản này phải được hạch toán vào chi phí sử dụng máy thi công (chi tiết TK 6232). Điều này làm cho chi phí nhân công trực tiếp tăng đồng nghĩa với việc chi phí sử dụng máy thi công sẽ giảm làm ảnh hưởng trực tiếp tới cơ cấu các khoản mục chi phí trong chi phí sản xuất.

Các khoản tiền lương, phụ cấp lương,... trả cho người lao động và tiền công thuê ngoài đều được hạch toán trên TK 334, việc hạch toán như vậy sẽ không cho thấy được tỷ trọng tiền lương giữa người lao động trong biên chế với nhân công thuê ngoài. Hơn nữa, Công ty hiện tại chưa thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất.

Mặt khác, nếu DN xây lắp tính cả khoản trích của công nhân xây lắp vào TK 622 là sai chế độ mà phải tính vào chi phí sản xuất chung. Việc hạch toán sai như vậy làm cho chi phí nhân công trực tiếp tăng đồng nghĩa với việc chi phí sử dụng máy thi công sẽ giảm làm ảnh hưởng trực tiếp tới cơ cấu các khoản mục chi phí trong chi phí sản xuất.

**- Chi phí sử dụng máy thi công:**

Công ty hiện nay mới chỉ hạch toán chi phí sử dụng máy thi công trên TK 6234 - chi phí khấu hao máy thi công và các khoản chi phí thuê ngoài máy thi công mà không hạch toán các khoản liên quan đến máy thi công như: chi phí vận hành máy, chi phí sửa chữa, dịch vụ mua ngoài,... Điều này là trái với chế độ kế toán, nó sẽ làm giảm khoản mục chi phí sử dụng máy thi công trong chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

**- Chi phí sản xuất chung:**

Ngoài các khoản mà công ty đã hạch toán đúng vào chi phí sản xuất chung thì chi phí SXC còn bao gồm cả các khoản chi phí của máy thi công như: chi phí xăng - dầu, sửa chữa,... làm cho khoản mục chi phí SXC tăng hơn so với bình thường.

Mặt khác, mặc dù các khoản trích BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ của công nhân sản xuất trực tiếp không đưa vào chi phí SXC là sai chế độ làm cho khoản mục chi phí sản xuất chung giảm, ảnh hưởng đến cơ cấu sản xuất của công ty.

### **3.2. Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh.**

#### **3.2.1. Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp**

##### **3.2.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện**

Trong xu thế đất nước ta hiện nay với nền kinh tế ngày càng phát triển mạnh mẽ, đặc biệt nước ta đã trở thành một trong những thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO), các thế lực cạnh tranh ngày càng trở nên mạnh mẽ và gay gắt. Có nhiều cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển song cũng đặt ra không ít những khó khăn thách thức buộc các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải nỗ lực, cố gắng hết mình. Nhất là đối với các doanh nghiệp sản xuất xây lắp vì hiện nay cùng với xu thế phát triển thì thị hiếu của khách hàng cũng dần thay đổi, sản phẩm không những phải đáp ứng được cả chất lượng, mẫu mã,... mà còn phải đáp ứng được yêu cầu về giá cả - giá cả vừa phải phù hợp với đại đa số nhu cầu khách hàng, vừa phải mang tính cạnh tranh cao.

Như vậy, mục tiêu của hầu hết các doanh nghiệp xây lắp đặt ra quản lý tốt chi phí sản xuất đồng nghĩa với việc hạ thấp giá thành nhưng vẫn đảm bảo được lợi ích của chính bản thân doanh nghiệp.

Với vai trò, ý nghĩa của công tác kế toán nói chung và công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng là thu thập, xử lý và cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho nhà quản lý nhằm giúp nhà quản lý đưa ra được chiến lược kinh doanh hiệu quả, đảm bảo môi trường phát triển của doanh nghiệp. Hơn nữa, thực tế đã cho thấy hiệu quả sản xuất kinh doanh của bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phụ thuộc rất nhiều vào công tác tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm. Vì thế, việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn là vấn đề cần thiết trong doanh nghiệp xây lắp nói riêng và trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nói chung.

### *3.2.1.2. Nguyên tắc hoàn thiện*

Hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm như đã khẳng định là có vai trò, ý nghĩa lớn. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là phải hoàn thiện như thế nào để đảm bảo công tác kế toán phần hành này không vi phạm luật kế toán cũng như mọi qui định khác của Nhà nước. Do đó, để hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp phải tuân thủ nguyên tắc sau:

Hoàn thiện trên cơ sở Luật kế toán và các chuẩn mực kế toán hiện hành: Các biện pháp hoàn thiện luôn phải phù hợp với chế độ tài chính nói chung và chế độ tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp xây lắp theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

Tuy nhiên, Công ty không nên vận dụng một cách quá máy móc và cứng nhắc các chuẩn mực đó mà cần phải áp dụng một cách linh hoạt dựa trên đặc thù của ngành nghề kinh doanh, qui mô sản xuất, trình độ quản lý và đặc biệt là trình độ chuyên môn của bộ máy kế toán Công ty, có như vậy hệ thống kế toán mới đạt được mục tiêu đề ra là phục vụ việc cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ,... hỗ trợ cho ban quản lý đưa ra quyết định kinh doanh. Đồng thời, công tác quản lý chi phí

và tính giá thành sản phẩm xây lắp ngày càng chặt chẽ và hiệu quả hơn.

### ***3.2.2. Nội dung hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt khánh.***

#### ***3.2.2.1. Hoàn thiện hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Chi phí NVLTT là một khoản mục chi phí có tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm xây lắp, do đó đòi hỏi phải được quản lý một cách chặt chẽ nhằm mục tiêu tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm. Để đảm bảo công tác quản lý tốt, Công ty nên quy định các khoản chi phí mua nguyên vật liệu có giá trị lớn - phát sinh thường xuyên thì lựa chọn và ký kết hợp đồng cung ứng vật tư trực tiếp với nhà cung cấp uy tín – tin tưởng để đảm bảo được chất lượng cũng như số lượng nguyên vật liệu, từ đó làm cho chất lượng công trình ngày càng được nâng cao.

Mặt khác, chi phí thu mua vật tư cũng góp phần đáng kể để làm tăng chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp nên để tránh tình trạng nhân viên thu mua vật tư khai khống chi phí thu mua nhằm hưởng lợi thì công ty nên lập dự toán rõ ràng, hơn nữa để quản lý chặt chẽ hơn việc hao hụt vật tư trong quá trình vận chuyển (do có thể xảy ra tình trạng nhân viên ăn bớt vật tư) thì công ty nên trích khoản dự phòng hao hụt vật tư trong định mức và quy định mức hao hụt vật tư một cách rõ ràng.

Trong quá trình hạch toán chi phí NVLTT thì toàn bộ chi phí thu mua lại được hạch toán vào tài khoản 627 (TK 6277- chi phí dịch vụ mua ngoài). Điều này là không đúng với chế độ kế toán, vật tư nhập kho không được phản ánh theo đúng giá trị thực tế với:

$$\text{Giá trị thực tế} = \text{giá mua} + \text{chi phí thu mua} - \text{chiết khấu, giảm giá}$$

Theo đó, làm cho giá trị thực tế vật tư xuất dùng trong kỳ, giá trị tồn kho cuối kỳ cũng bị sai lệch hay nói cách khác chi phí NVLTT, chi phí SXC đều bị ảnh hưởng. Để tránh tình trạng này kế toán cần tính cả chi phí thu mua vật tư vào giá trị vật tư, nghiệp vụ này được định khoản:

Nợ TK 621/ 152: Giá mua + chi phí thu mua

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Cụ thể: Dựa vào bảng Trích bảng tổng hợp chi phí dịch vụ mua ngoài Quý I (Biểu số 20) ta thấy ngày 5 tháng 3 công ty thanh toán tiền vận chuyển vật tư là 211.564 đồng. Chi phí vận chuyển này phải được hạch toán vào giá mua nguyên vật liệu nhưng công ty lại hạch toán vào TK6278 như vậy là không đúng làm cho giá trị thực tế của nguyên vật liệu giảm 211.564 đồng, đồng thời làm cho chi phí sản xuất chung tăng 211.564 đồng. Việc này khiến cho cơ cấu chi phí trong giá thành thay đổi và sẽ gây khó khăn cho việc theo dõi, đánh giá, phân tích chi phí sản xuất phát sinh và giá thành hoàn thành trong kỳ, ảnh hưởng đến kết quả, độ chính xác của những thông tin, số liệu cung cấp. Để tránh tình trạng này kế toán cần tính cả chi phí thu mua vật tư vào giá trị vật tư, nghiệp vụ này được định khoản:

Nợ TK 621/ 152: 211.654

Có TK141: 211.654

### *3.2.2.2. Hoàn thiện hạch toán chi phí nhân công trực tiếp*

Theo như cách hạch toán của Công ty, thì toàn bộ các khoản tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp trả cho người lao động (không phân biệt lao động thuộc Công ty hay lao động thuê ngoài) đều được hạch toán trên TK 334 - Phải trả người lao động mà không chi tiết trên tài khoản cấp 2. Theo chế độ kế toán hiện hành thì TK 334 được chi tiết thành hai tài khoản cấp 2 gồm:

*TK 3341 - Phải trả công nhân viên:* Phản ánh khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho công nhân viên của doanh nghiệp về tiền lương, lương phụ, phụ cấp, các khoản có tính chất lương,... và các khoản phải trả khác thuộc về thu nhập của công nhân viên (thuộc về biên chế của doanh nghiệp).

*TK 3348 - Phải trả người lao động khác:* Dùng để phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho các lao động thuê ngoài không thuộc biên chế của công ty.

Như vậy, việc chỉ hạch toán trên TK 334 như Công ty đã thực hiện so với chế độ kế toán là chưa phù hợp - sẽ không thấy được tỷ trọng tiền lương, phụ

cấp trả cho lao động thuộc biên chế của công ty và tiền công phải trả cho lao động thuê ngoài trong tổng chi phí nhân công trực tiếp.

Do đó, kế toán Công ty cần phải hạch toán chi tiết TK 334, có như vậy mới nhận định rõ khoản phải trả cho lao động thuê ngoài, từ đó cung cấp thông tin cho Ban quản lý để nắm bắt tình hình chặt chẽ hơn và có chính sách quản lý phù hợp hơn.

Công ty áp dụng phương pháp trả công cho công nhân sản xuất theo thời gian lao động là đúng chế độ nhưng theo em là chưa hiệu quả. Bởi trong xu thế hiện nay, các ngành xây dựng nói riêng và các ngành sản xuất nói chung thì việc trả lương cho công nhân trực tiếp theo thời gian lao động sẽ không làm cho công tác sản xuất đạt hiệu quả, không đẩy mạnh được tiến độ thi công, không tăng năng suất của người lao động, từ đó có thể kéo dài thời gian sản xuất sản phẩm, hay nói cách khác thời gian cho một sản phẩm hoàn thành sẽ lâu hơn. Do đó, theo em thì đối với công nhân trực tiếp sản xuất thì nên áp dụng trả lương theo phương pháp khoán sản phẩm. Việc khoán sản phẩm sẽ giúp cho việc tăng hiệu quả lao động nhờ kích thích người lao động có trách nhiệm trong công việc, hăng say lao động đồng thời gắn lợi ích của người lao động với chất lượng tiến độ thi công các công trình. Mặc dù cách tính theo phương pháp này sẽ phức tạp hơn cách tính lương theo thời gian lao động của công nhân trực tiếp.

Lương khoán thường được áp dụng trong trường hợp sản xuất theo từng khối lượng công việc cụ thể với đơn giá lương khoán. Đơn giá lương khoán phải dựa trên cơ sở giá quy định của Nhà nước và phải phù hợp với trạng thái của thị trường và điều kiện thi công của từng công trình - hạng mục công trình để định mức hao phí nhân công.

Cách tính lương khoán có thể được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền phải trả} \\ \text{cho khối lượng công} \\ \text{việc thực hiện} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Khối lượng công} \\ \text{việc thực hiện} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Đơn giá tiền lương tính} \\ \text{cho 1 đơn vị khối lượng} \\ \text{công việc thực hiện} \end{array}$$

Trên cơ sở khối lượng các công việc được giao cho từng tổ sản xuất thì



người đứng đầu các tổ phải thực hiện quản lý chặt chẽ và theo dõi thời gian làm việc của từng lao động để đảm bảo việc tính lương chính xác.

$$\text{Lương phải trả công nhân sản xuất} = \text{Số công nhân thực hiện} * \text{Đơn giá 1 công}$$

Trong đó :

$$\text{Đơn giá 1 công} = \frac{\text{Tổng giá trị khối lượng công việc thực hiện( tháng)}}{\text{Tổng số công ( tháng)}}$$

Tuy nhiên, với công việc khoán sản phẩm có thể gây ra tình trạng làm ẩu do đó các tổ trưởng tổ sản xuất cần phải kiểm tra và quản lý chặt chẽ chất lượng công việc hoàn thành...

Sau khi công việc hoàn thành, chủ công trình và cán bộ phụ trách kỹ thuật sẽ tiến hành kiểm kê chất lượng công việc hoàn thành sau đó lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành có sự phê duyệt của Ban giám đốc.

### 3.2.2.3. Hoàn thiện hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:

Thực tế tại công ty đang tiến hành thi công xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy. Công ty không tổ chức một đội máy thi công riêng và sử dụng tài khoản cấp 2 là TK 6234 - chi phí khấu hao máy thi công để phản ánh lượng khấu hao máy thi công sử dụng vào hoạt động xây lắp, ngoài ra còn phát sinh thêm khoản chi phí thuê ngoài MTC được hạch toán vào TK 623. Nhưng các khoản chi phí nhân công hay chi phí vật liệu phục vụ máy thi công thì kế toán hạch toán luôn vào chi phí NCTT và chi phí SXC. Điều này là sai so với chế độ kế toán hiện hành. Vì theo chế độ kế toán hiện hành thì TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công có 6 tài khoản cấp 2:

TK 6231 - Chi phí nhân công: Dùng để phản ánh các khoản lương chính, lương phụ. phụ cấp phải trả cho công nhân trực tiếp điều khiển máy phục vụ thi công nó không bao gồm các khoản trích theo lương của công nhân sử dụng máy.

TK 6232 - Chi phí vật liệu: Phản ánh chi phí nhiên liệu (xăng, dầu,...)

TK 6233 - Chi phí dụng cụ sản xuất: Phản ánh công cụ, dụng cụ lao động liên quan đến hoạt động của xe, máy thi công.

TK 6234 - Chi phí khấu hao máy thi công: Phản ánh lượng khấu hao máy móc thi công sử dụng vào hoạt động xây lắp.

TK 6237 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: Thuê sửa chữa xe, bảo hiểm, ...

TK 6238 - Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phí bằng tiền phục vụ cho hoạt động của xây lắp, máy thi công,...

Do đó, việc hạch toán chi phí sử dụng máy thi công hiện nay của Công ty đã không phản ánh đầy đủ nội dung và bản chất của TK 623. Công ty cần mở chi tiết thêm tài khoản cấp 2 của TK 623 để hạch toán các khoản lương, vật liệu,... nhằm đảm bảo cho công tác tính giá thành được chính xác và phù hợp với chế độ.

Cụ thể: Dựa vào bảng tổng hợp chi phí dịch vụ mua ngoài Quý I (Biểu số 20) ta thấy ngày 12 tháng 2 công ty mua dầu cho MTC với tổng giá thanh toán là 1.724.679(thuế GTGT 10%).Số tiền này phải được hạch toán vào TK6232 – Chi phí vật liệu nhưng Công ty lại hạch toán vào TK 6277- Chi phí dịch vụ mua ngoài làm giảm chi phí sử dụng máy thi công, đồng thời làm tăng chi phí sản xuất chung.Điều này là sai so với chế độ kế toán hiện hành, làm cho cơ cấu chi phí trong giá thành thay đổi. Để tránh tình trạng này kế toán cần định khoản như sau:

Nợ TK 6232 : 1.567.890

Nợ TK133 : 156.789

Có TK 141: 1.724.679

#### *3.2.2.4. Hoàn thiện chi phí SXC:*

Hiện tại công ty đưa cả những các khoản trích của công nhân xây lắp vào TK 622, do đó làm cho chi phí SXC giảm, cơ cấu chi phí trong giá thành sản phẩm thay đổi. Vậy công ty nên tách riêng những chi phí này và tập hợp riêng để tập hợp những chi phí SXC phát sinh trong kỳ. Theo chế độ kế toán hiện hành thì TK6271 - Chi phí nhân viên phân xưởng: Phản ánh các khoản tiền lương, các khoản

phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý phân xưởng, bộ phận, đội sản xuất; tiền ăn giữa ca của nhân viên quản lý phân xưởng, phân xưởng, bộ phận sản xuất; khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn được tính theo tỷ lệ quy định hiện hành trên tiền lương phải trả cho nhân viên phân xưởng, bộ phận, tổ, đội sản xuất. . .

Nội dung và kết cấu của TK 627 – chi phí sản xuất chung như sau:

Bên NỢ : các chi phí sản xuất chung bao gồm

- Lương nhân viên quản lý đội xây dựng, tiền ăn giữa ca của nhân viên quản lý đội xây dựng, công nhân xây lắp, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN được trích theo tỷ lệ % quy định hiện hành trên lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý đội ( thuộc biên chế của doanh nghiệp)...

Bên CÓ : - Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung

Cụ thể : dựa vào bảng chấm công, bảng thanh toán lương và bảng trích theo lương công ty hạch toán các khoản trích của công nhân xây lắp vào TK 622 là sai so với chế độ kế toán hiện hành, làm cho cơ cấu chi phí trong giá thành thay đổi. để tránh tình trạng này kế toán cần định khoản :

Nợ TK 627 : 48.426.400 (220.120.000\*22%)

Có TK 3382 : 4.402.400

Có TK 3383 : 35.219.200

Có TK 3384 : 6.603.600

Có TK 3389 : 2.201.200

### *3.2.2.5. Đẩy mạnh công tác quản lý và bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên:*

Công ty nên tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là nhân viên làm việc tại phòng kế toán được học các lớp nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tạo điều kiện cho họ nắm vững và nhanh chóng áp dụng chế độ kế toán mới theo đúng quy chế hiện hành vì công tác kế toán phải luôn tuân thủ theo chế độ kế toán, có như thế công tác kế toán mới không vi phạm luật kế toán. Mặt khác, cũng phải chú ý

---

tới việc đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân tham gia sản xuất sản phẩm xây lắp.

Ngoài ra, công ty cần có những biện pháp quản lý nhân sự tốt, biện pháp quản lý nhân sự tốt phải là biện pháp mà nó phải kết hợp được cả lợi ích chung của Công ty và lợi ích riêng (lợi ích cả về vật chất và tinh thần) của người lao động. Do vậy, để đạt được hiệu quả cao hơn nữa trong công việc, Công ty cần có chính sách thưởng phạt rõ ràng, có chế độ khen thưởng kịp thời nhằm động viên tinh thần lao động của cán bộ công nhân viên.

## **KẾT LUẬN**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất & tính giá thành sản phẩm là một trong những công tác quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu của phòng kế toán về tập hợp chi phí sản xuất & tính giá thành của từng sản phẩm, từ đó giúp cho DN đề ra được những biện pháp hạ giá thành sản phẩm và xây dựng được giá cả phù hợp.

Qua quá trình thực tập tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh, em thấy tầm quan trọng của công tác hạch toán kế toán trong quản lý doanh nghiệp. Nhận thức được vấn đề trên và được sự giúp đỡ của cán bộ nhân viên phòng kế toán của Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh đã giúp em hoàn thành khoá luận tốt nghiệp của mình với đề tài: “Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh”.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng do trình độ và nguồn tài liệu tham khảo còn hạn hẹp nên bài viết này của em mới chỉ đề cập đến những vấn đề có tính chất cơ bản và đưa ra được những ý kiến bước đầu nên không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự quan tâm và tham gia đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo trong nhà trường và các cán bộ nhân viên phòng kế toán của công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS.Trần Thị thanh Thảo và toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường, cùng toàn bộ các cán bộ nhân viên phòng kế toán Công ty đã giúp em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

*Hải phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2012*

**Sinh viên**  
***Nguyễn Thị Ngọc Mai***

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ kế toán quyển 1 và quyển 2 – Bộ Tài Chính ban hành.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - Bộ Tài chính – Nhà xuất bản thống kê - 2006
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – Năm 2006.
4. Kế toán và phân tích chi phí – giá thành trong doanh nghiệp ( Học viện tài chính)- PGS .TS Nguyễn Đình Đỗ, TS. Trương Thị Thủy, TS. Nguyễn Đình Cơ, Th.s Nghiêm Thị Thà – Nhà xuất bản Tài Chính - 2006
5. Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán – Đại học kinh tế quốc dân khoa kế toán – PGS.TS. Nguyễn Thị Đông – Nhà xuất bản tài chính năm 2007.
6. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – TS. Nguyễn Văn Công – Nhà xuất bản tài chính- 7/2001.
7. Tham khảo các bài khóa luận của anh chị năm trước.

MỤC LỤC

**CHƯƠNG I**            5

**1.1 Đặc điểm sản xuất xây lắp và ảnh hưởng của nó đến công tác hạch toán kế toán của đơn vị xây lắp..... 5**

    1.1.1. *Đặc điểm sản phẩm xây lắp..... 5*

    1.1.2. *Đặc điểm tổ chức sản xuất xây lắp ..... 6*

    1.1.3 *Yêu cầu quản lý trong các doanh nghiệp xây lắp..... 7*

    1.1.4 *Nhiệm vụ của tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp ..... 8*

**1.2 Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất của sản phẩm xây lắp ..... 9**

    1.2.1 *Khái niệm về chi phí sản xuất ..... 9*

    1.2.2 *Phân loại chi phí sản xuất ..... 9*

**1.3. Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm xây lắp ..... 12**

    1.3.1. *Khái niệm về giá thành sản phẩm ..... 12*

    1.3.2. *Phân loại giá thành sản phẩm ..... 12*

**1.4. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ..... 13**

**1.5. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp..... 14**

    1.5.1. *Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ..... 14*

    1.5.2. *Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất..... 15*

    1.5.3. *Hạch toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp theo phương pháp kê khai thường xuyên ..... 16*

    1.6.3. *Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ..... 25*

**1.7. Kế toán tính giá thành tại các doanh nghiệp xây lắp..... 27**

    1.7.1. *Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp ..... 27*

    1.7.2. *Kỳ tính giá thành..... 28*

    1.7.3. *Phương pháp tính giá thành ..... 28*

**1.8. Hệ thống sổ sách kế toán sử dụng để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp xây dựng ..... 30**

    1.8.1. *Hình thức nhật ký chung..... 30*

    1.8.2. *Hình thức chứng từ ghi sổ ..... 33*

    1.8.3. *Hình thức nhật ký - sổ cái ..... 34*

    1.8.4. *Hình thức nhật ký chứng từ..... 35*

    1.8.5. *Hình thức kế toán máy ..... 36*

**CHƯƠNG II**            37

**2.1 Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại Việt Khánh ..... 37**

    2.1.1 *Giới thiệu chung và quá trình phát triển ..... 37*

    2.1.2 *Thành tích đạt được..... 39*

    2.1.3 *Chức năng, ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh..... 40*

2.1.4 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần xây dựng Việt Khánh .....	41
2.1.5 Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh .....	42
<b>2.2. Thực trạng hạch toán kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh:</b> .....	46
2.2.1. Phân loại chi phí xây lắp tại Công ty: .....	46
2.2.2 Đối tượng tập hợp chi phí xây lắp tại Công ty: .....	48
2.2.3 Đặc điểm tập hợp chi phí xây lắp tại Công ty: .....	49
2.2.4 Nội dung và phương pháp kế toán các khoản mục chi phí tại Công ty: .....	49
2.2.5 Kế toán tập hợp chi phí xây lắp tại Công ty: .....	86
<b>2.3. Thực trạng hạch toán kế toán tính giá thành xây lắp tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh :</b> .....	89
2.3.1 Khái niệm và phân loại giá thành xây lắp: .....	89
2.3.3 Đánh giá sản phẩm dở dang: .....	91
2.3.4 Phương pháp tính giá thành:.....	91
<b>CHƯƠNG III</b> 95	
<b>3.1 Những ưu, nhược điểm của Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh</b> .....	95
3.1.1. Những thành tựu đã đạt được .....	95
3.1.2. Những mặt còn tồn tại .....	98
<b>3.2. Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt Khánh.</b> .....	100
3.2.1. Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp .....	100
3.2.2. Nội dung hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại Việt khánh. ....	102
<b>KẾT LUẬN</b> 109	